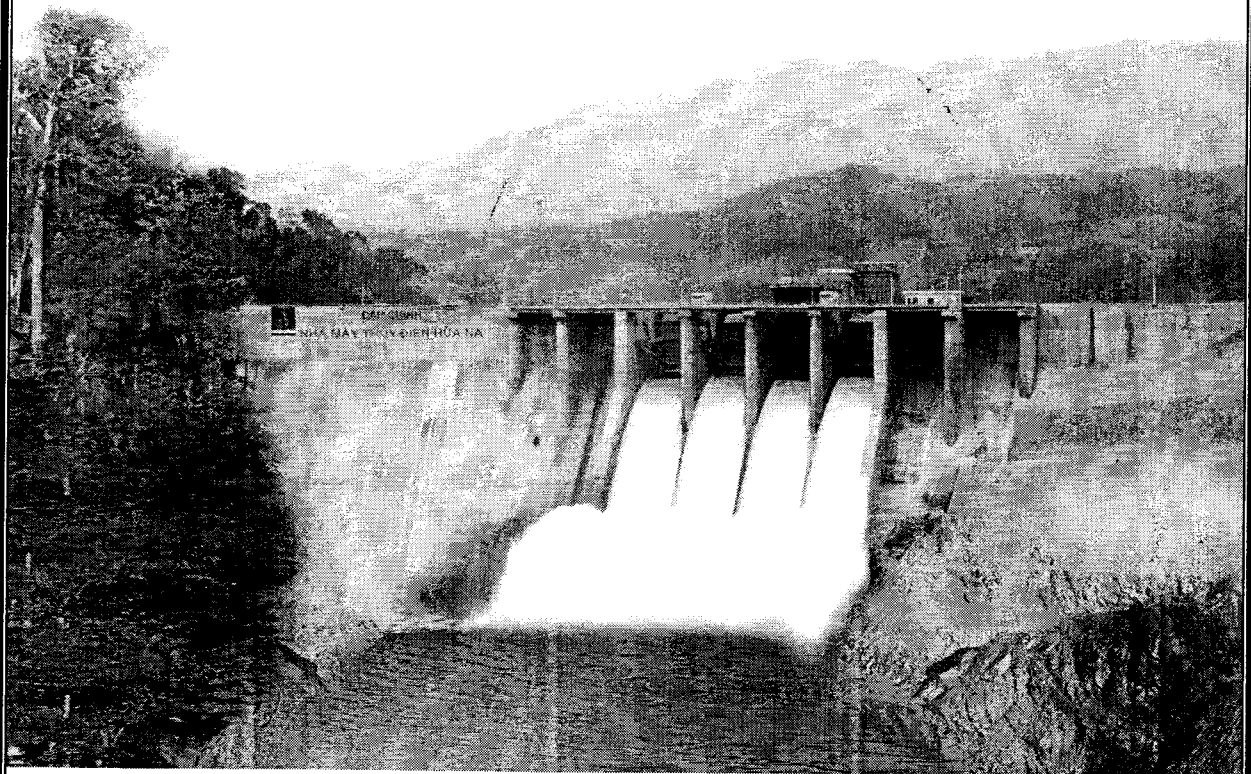


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



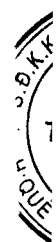
Nghệ An, tháng 4 năm 2018

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian: Thứ 5, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Địa điểm: Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

STT	Tên tài liệu	Số/ngày
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế Tổ chức đại hội; Thẻ lệ biểu quyết; Thẻ lệ bầu cử HĐQT và BKS	
3	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị.	145/BC-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
4	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	146/BC-HHC ngày 14/3/2018
5	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018 của Ban kiểm soát	01/2018/HHC-BKS ngày 12/3/2018
6	Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán	
7	Tờ trình kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty	147/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
8	Tờ trình chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2017 và dự toán năm 2018	148/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
9	Tờ trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty	149/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
10	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	150/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
11	Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	151/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
12	Tờ trình Quy chế quản trị nội bộ của Công ty	152/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
13	Tờ trình về cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023	154/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018
14	Phiếu biểu quyết	
15	Dự thảo Nghị quyết	



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA**

Thời gian: Thứ 5, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Địa điểm: Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

STT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	07h30 - 08h30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư các cổ đông	BTC Đại hội
2	08h30 - 08h35	- Báo cáo kiểm tra tư các cổ đông tham dự, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định	Trưởng BKS
3	08h35 - 08h40	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc đại hội - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu đại hội	BTC Đại hội
4	08h40- 08h50	- Thông qua nội dung nội dung chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội - Thông qua thể lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
5	Trình bày các nội dung chính xin biểu quyết phê duyệt/thông qua tại Đại hội		
	8h50 - 10h20	1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch
		2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	Đoàn chủ tịch
		3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018 của Ban kiểm soát	Trưởng BKS
		4. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán	Kế toán trưởng
		5. Tờ trình kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty	Kế toán trưởng
		6. Tờ trình chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2017 và dự toán năm 2018	Kế toán trưởng
		7. Tờ trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty	Kế toán trưởng

STT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
		8. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	Kế toán trưởng
		9. Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Đoàn chủ tịch
		10. Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Đoàn chủ tịch
6	10h20 - 10h50	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội - Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	Đoàn chủ tịch
7	10h50 - 11h00	Cổ đông biểu quyết phê duyệt/thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm phiếu
	11h00 - 11h10	Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - PV Power	Lãnh đạo PV Power
8	11h10 - 11h20	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu	BTC Đại hội; Ban kiểm phiếu
9	11h20 - 11h25	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Trưởng Ban kiểm phiếu
10	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2013		
	11h25 - 11h50	1. Thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Đoàn chủ tịch
		2. Thông qua danh sách đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Đoàn chủ tịch
		3. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử	Đoàn chủ tịch
		4. Thông qua thể lệ bầu cử	Đoàn chủ tịch Ban kiểm phiếu
		5. Tiến hành bầu cử	Đoàn chủ tịch Ban kiểm phiếu
11	11h50 - 12h00	Kiểm phiếu và Báo cáo kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
12	12h00 - 12h10	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 ra mắt Đại hội	BTC Đại hội
13	12h10 - 12h20	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	- Thư ký đọc - Đoàn chủ tịch
14	12h20	Bế mạc Đại hội	- Đoàn chủ tịch - BTC Đại hội

Nghệ An, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội.
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, qua báo chí, trên website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được Ban tổ chức đăng tải công khai trên website của Công ty và phát trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
- Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử ...
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CMND, hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại Thể lệ biểu quyết.

Điều 9. Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2018-2023) được thực hiện theo quy định tại Thể lệ bầu cử.

Điều 10. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 11. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 11 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức vào ngày 19/4/2018 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Mạnh Hùng

Nghệ An, ngày 19 tháng 4 năm 2018

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;
Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội được thực hiện như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Mã số cổ đông, Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua Nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội; Thẻ lệ bầu cử; Biên bản-Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Ý kiến khác”**.

2. Phiếu biểu quyết:

Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

+ Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 2 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty. Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ. Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Mạnh Hùng

Nghệ An, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**THẺ LỆ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ
(2018-2023) TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Để việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2018-2023) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty, thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu được bầu tương ứng với cổ phần có quyền biểu quyết (Bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền) nhân với số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc Ban kiểm soát) được bầu;

- Cổ đông có thể dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên (nhưng không được vượt quá số lượng ứng viên được phép bầu). Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không được vượt quá số phiếu được quyền bầu cử đã nêu ở trên. Cổ đông có thể không bầu cho ứng viên nào cả;

- Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của người bầu đối với ứng viên được bầu.

3. Phiếu bầu và ghi phiếu.

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, do Ban tổ chức phát hành, có đóng dấu của Công ty ở góc trên, bên trái của Phiếu bầu cử;

- Danh sách ứng viên với tên của ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC và ghi đầy đủ họ, tên của ứng viên trên phiếu bầu;

- Phiếu bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được in 2 màu khác nhau;

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 1 phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và 1 phiếu bầu cử Ban kiểm soát theo mã số cổ đông (tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền) đã được đăng ký;

- Cổ đông phải tự mình ghi vào phiếu bầu. Trong trường hợp phát hiện có sai sót hoặc ghi chép sai thì được quyền yêu cầu Ban tổ chức cung cấp lại Phiếu bầu cử mới, với điều kiện phải nộp lại phiếu bầu cũ.

4. Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu là bộ phận giúp việc cho Đại hội trong việc bầu cử, do Chủ tọa giới thiệu và phải được Đại hội thông qua;

- Thành viên của Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử/ ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Ban kiểm phiếu có 1 Trưởng Ban để điều hành công tác bầu cử, các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban.

5. Bầu cử.

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông, trước khi tiến hành bầu cử;

- Việc bầu cử tiến hành sau khi có hướng dẫn và hiệu lệnh của Trưởng Ban kiểm phiếu, và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu.

6. Phiếu bầu hợp lệ và không hợp lệ.

a. Phiếu bầu hợp lệ:

Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, không có dấu hiệu tẩy xóa, cạo, sửa bất kỳ nội dung nào đã in trong phiếu. Số ứng cử viên chọn tối đa theo quy định (HĐQT: 5 người; BKS: 3 người) và tổng số cổ phần bầu cho các ứng viên không được quá tổng số cổ phần in trên phiếu bầu, gạch tên các ứng viên không bầu.

b. Phiếu bầu không hợp lệ:

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong các điều kiện sau:

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức phát hành, không có đóng dấu của Công ty;

- Phiếu bầu vượt quá số người quy định bầu tối đa tại Thẻ lệ bầu cử (tức là bầu nhiều hơn 5 người - đối với HĐQT và nhiều hơn 3 người - đối với BKS);

- Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn, cạo sửa hoặc tẩy xóa trên phiếu;

- Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại vượt quá Tổng số phiếu được quyền bầu in sẵn trên phiếu.

7. Kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử.

- Việc kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu thực hiện. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trong Đại hội;

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Ứng cử viên phải có số phiếu bầu hợp lệ đạt tỷ lệ $\geq 51\%$ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp theo cách tính sau đây:

Tỷ lệ số phiếu bầu = (Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%, tỷ lệ này phải $\geq 51\%$;

+ Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được xác định theo số quyền biểu quyết nhận được từ các phiếu bầu hợp lệ, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên nhận được số quyền biểu quyết cao nhất, cho đến khi đủ số thành viên theo cơ cấu đã được Đại hội thông qua (số thành viên cơ cấu: HĐQT là 5 thành viên; BKS là 3 thành viên);

+ Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên nhận được số quyền biểu quyết bằng nhau, mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên theo cơ cấu quy định, thì ứng viên nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu ngang nhau, thì sẽ tổ chức bầu lại để chọn giữa các ứng viên này;

+ Trường hợp số thành viên HĐQT hoặc BKS trúng cử không đủ số lượng cần bầu do chưa đạt tỷ lệ tín nhiệm $\geq 51\%$, Đại hội sẽ tiến hành bầu cử bổ sung ngay trong Đại hội cho đến khi đủ số thành viên HĐQT và BKS.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu để làm bằng chứng cho công tác bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023. Nội dung biên bản bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia Đại hội; số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu trắng; tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Danh sách trúng cử.

8. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Những khiếu nại về bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa giải quyết tại Đại hội và được ghi vào Biên bản Đại hội.

Thế lệ bầu cử này được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT, TK ;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Mạnh Hùng

(Đính kèm “Hướng dẫn phương thức bầu dồn phiếu”)

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

1. Nguyên tắc bầu đôn phiếu:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội được bầu theo nguyên tắc bầu đôn phiếu cho các ứng viên. Do vậy tổng số Quyền bầu của mỗi Cổ đông/đại diện theo ủy quyền sẽ được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Tổng số quyền bầu cử} = \frac{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}}{\text{Số thành viên được bầu}}$$

Cổ đông/đại diện theo ủy quyền có quyền sử dụng tổng số Quyền bầu của mình theo quy định sau đây:

1. Đôn toàn bộ tổng số Quyền bầu cho **một ứng cử viên duy nhất** ; hoặc
2. San Quyền bầu cho **hai đến tối đa là năm ứng viên** - đối với ứng viên HĐQT, **hai đến tối đa là ba** - đối với ứng viên BKS với số lượng bầu cử bằng nhau hoặc không bằng nhau với số Quyền bầu sử dụng không được vượt quá Tổng số Quyền bầu được nêu trong Phiếu bầu của Cổ đông/đại diện theo ủy quyền đó; hoặc
3. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền có thể chỉ dùng một phần trong Tổng số Quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần quyền còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng viên nào.
4. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền không được bỏ phiếu cho quá năm (05) ứng viên - đối với ứng viên HĐQT, quá ba (03) ứng viên - đối với ứng viên BKS.
5. Những ứng viên không được chọn phải đánh dấu chéo (x) vào cột số quyền bầu (để đảm bảo không bị ghi thêm vào).

2. Các ví dụ minh họa:

Ví dụ: Danh sách ứng viên được đề cử hợp lệ là 6 người, trong đó sẽ bầu chọn ra 5 thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Y là Cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Do số vị trí được bầu vào HĐQT là 5 người (trong số 6 ứng viên). Như vậy tổng số Quyền bầu HĐQT của ông Y là $(1.000 \times 5) = 5.000$ Quyền bầu.

Ông Y thực hiện quyền bầu của mình theo các trường hợp sau:

Trường hợp 1: Ông Y đôn toàn bộ số Quyền bầu của mình cho một ứng viên B, cách ghi Phiếu bầu sẽ như sau:

Thứ tự	Họ và tên ứng viên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	x
2	Nguyễn Văn B	5000
3	Nguyễn Văn C	x
4	Nguyễn Văn D	x
5	Trần Thị E	x
6	Lê Văn N	x
Tổng cộng		5000

Trường hợp 2: Ông Y san đều số Quyền bầu của mình cho cả năm ứng viên, cách ghi Phiếu bầu sẽ như sau:

<i>Thứ tự</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn Văn A	1000
2	Nguyễn Văn B	1000
3	Nguyễn Văn C	1000
4	Nguyễn Văn D	1000
5	Trần Thị E	1000
6	Lê Văn N	x
Tổng cộng		5000

Trường hợp 3: Ông Y san số Quyền bầu của mình cho cả năm ứng viên nhưng không đều nhau, cách ghi phiếu bầu sẽ như sau:

<i>Thứ tự</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn Văn A	1000
2	Nguyễn Văn B	2000
3	Nguyễn Văn C	500
4	Nguyễn Văn D	500
5	Trần Thị E	500
6	Lê Văn N	x
Tổng cộng		5000

Trường hợp 4: Ông Y chỉ dùng số Quyền bầu của mình cho hai ứng viên là Ông A số Quyền bầu là 1.500 và Ông B là 2.000 Quyền bầu, số Quyền bầu còn lại Ông Y không sử dụng, cách ghi phiếu bầu sẽ như sau:

<i>Thứ tự</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn Văn A	1.500
2	Nguyễn Văn B	2000
3	Nguyễn Văn C	x
4	Nguyễn Văn D	x
5	Trần Thị E	x
6	Bùi Văn N	x
Tổng cộng		3.500

Những trường hợp bầu không hợp lệ:

Trường hợp 1: Ông Y sử dụng quá tổng số Quyền bầu của mình

<i>Thứ tự</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn Văn A	1000
2	Nguyễn Văn B	1000
3	Nguyễn Văn C	1000
4	Nguyễn Văn D	2000
5	Trần Thị E	1000
6	Lê Văn N	x
Tổng cộng		6000

Trường hợp 2: Ông Y bầu cho quá năm ứng viên

<i>Thứ tự</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn Văn A	1000
2	Nguyễn Văn B	1.500
3	Nguyễn Văn C	500
4	Nguyễn Văn D	500
5	Trần Thị E	500
6	Lê Văn N	500
Tổng cộng		5000

Ghi chú: Cách thức bầu đối với các ứng viên Ban kiểm soát tương tự như trên.

Số: 145/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty năm 2017 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và 01 thành viên HĐQT độc lập. Danh sách thành viên gồm:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Trịnh Bảo Ngọc - Ủy viên, kiêm Giám đốc;
3. Ông Lê Xuân Tùng - Ủy viên;
4. Ông Lê Thanh Nghị - Ủy viên;
5. Ông Hoàng Xuân Thành - Ủy viên, kiêm phó Giám đốc.

Các thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị tiến hành 09 cuộc họp và ban hành 82 văn bản (Nghị quyết, Quyết định) để quản lý, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, cụ thể: Ban hành 09 Nghị quyết tại các

cuộc họp Hội đồng quản trị và 73 Quyết định để quản lý, quản trị, điều hành các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác quyết toán dự án và thực hiện một số công việc chưa hoàn thành của Dự án Thủy điện Hòa Na.

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành đều phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty để quản lý, quản trị Công ty và kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty.

Định kỳ hàng tháng và bất thường, chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2017.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị nhà máy kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao cho Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2017.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2017

Hội đồng quản trị luôn quản lý chỉ đạo sát sao công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, chăm lo đời sống cho các CBCNV và các công việc còn lại của Dự án thủy điện Hòa Na. Năm 2017, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện. Thực hiện quản lý chỉ đạo toàn diện và quản trị Công ty một cách chuyên nghiệp, thực hiện tốt quản trị rủi ro. Kết quả đạt được như sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	TH2017/ KH2017
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	645,06	734,38	113,84%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	636,8	653,6	103%
-	<i>Doanh thu phát điện:</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>571,6</i>	<i>575,3</i>	
-	<i>Thu thuế TN, MT rừng, tài chính khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>65,2</i>	<i>78,3</i>	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	635,3	644,1	101%
-	<i>Chi phí chưa thuế</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>570,1</i>	<i>568,9</i>	
-	<i>Thuế TN, phí MT rừng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>65,2</i>	<i>75,2</i>	
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	128,9	135,16	104,8%

Năm 2017, Nhà máy thủy điện Hòa Na vẫn gặp rất nhiều khó khăn việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, với các khó khăn như: i) mực nước đầu năm 2017 chỉ đạt 234,7m, thấp hơn mực nước dâng bình thường hơn 5m; ii) lưu lượng nước về hồ 6 tháng đầu năm chỉ đạt 80% trung bình nhiều năm dẫn đến sản lượng 6 tháng chỉ đạt 85% so với kế hoạch; iii) kết hợp giá thị trường trong 6 tháng đầu năm là mùa khô nhưng thấp hơn nhiều so với các năm liền kề, ... Với các khó khăn đó khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu cả năm 2017 là rất khó khăn.

Tuy nhiên, sang tháng 07/2017 tình hình thủy văn thuận lợi hơn do ảnh hưởng của cơn bão số 2, áp thấp nhiệt đới vào tháng 7 và tháng 10, kết hợp Nhà

máy tính toán phát điện bám sát thị trường vào từng thời điểm thuận lợi. Do đó kết thúc năm 2017 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 14% kế hoạch, vượt sản lượng theo thiết kế, doanh thu vượt 3%, lợi nhuận tăng 8 tỷ đồng so với kế hoạch. Sản lượng điện năm 2017 phát lớn, nhưng đến ngày 31/12/2017 mực nước hồ Nhà máy thủy điện Hòa Na vẫn được tính toán để đạt cao trình ~239m, đáp ứng nhu cầu cho kế hoạch sản xuất điện năm 2018.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa.

2.1. Công tác vận hành: Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, đồng thời phù hợp với chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh.

2.2. Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị: Nhà máy thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (đại tu) vào tháng 3; 4/2017. Sau bảo dưỡng hệ thống thiết bị hoạt động đạt yêu cầu kỹ thuật. Về tiến độ đã hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa xong trước 2 ngày so với kế hoạch Trung tâm điều độ thông qua, tiết kiệm khoảng 3-4 tỷ đồng doanh thu phát điện cho Công ty.

2.3. Công tác bảo trì, bảo dưỡng:

- Công ty luôn thường xuyên đánh giá mức độ quan trọng, cần thiết của các hạng mục cần bảo trì để thực hiện. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn.

- Do ảnh hưởng của cơn bão số 2 trong tháng 7 và áp thấp nhiệt đới trong tháng 10 mưa nhiều gây lở đất, đá; sạt mái cơ nhà máy, tháp điều áp, đường vận hành; xói lở hệ thống thoát nước các đường vận hành; sụt lún nhiều vị trí. Tuy nhiên các sự cố trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động phát điện của Nhà máy, công ty đã tiến hành khắc phục ngay để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Các ảnh hưởng do mưa bão Công ty đã và đang làm việc với đơn vị bảo hiểm để bảo hiểm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết.

2.4. Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ đại tu và bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của nhà máy: Trong năm 2017 Công ty đã tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ đại tu và dự phòng sửa chữa thường xuyên đáp ứng theo kế hoạch. Thiết bị mua sắm đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ phục vụ trong quá trình sửa chữa.

3. Công tác lao động, đào tạo, ASXH, hoạt động đoàn thể, môi trường

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số CBCNV thực hiện năm 2017 là 116/117 người.

- Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2017 là 14,5 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Năm 2017, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho 261 lượt CBCNV với tổng kinh phí là 558,01 triệu đồng, cụ thể: khóa tập huấn chính sách thuế mới; khóa đào tạo kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro các công trình; tham quan học tập kinh nghiệm quản lý vận hành tại nhà máy thủy điện Bản Vẽ, Hòa Bình; bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh an toàn phòng chống khủng bố; đào tạo nâng cao công nghệ cơ khí; khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC cơ sở; khóa đào tạo về ăn mòn và kiểm soát ăn mòn vật liệu; đào tạo cập nhật phần mềm kế toán mới; đào tạo nâng cao về Role bảo vệ điện; khóa học cơ bản về công tác tổ chức đăng ký chứng khoán; khóa đào tạo công nghệ hàn hơi, hàn điện; huấn luyện nghiệp vụ ATSKMT cho ATVSV, hội thao ATSKLD – PCCN và Hội nghị ATSKMT; thi nâng bậc và giữ bậc đối với nhân viên vận hành sửa chữa.

3.3. Công tác an sinh xã hội: Bên cạnh việc hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, rủi ro tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài, Công ty cũng đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc và động viên cán bộ CNVLD làm thêm giờ vào các ngày Thứ 7 để ủng hộ các quỹ do Tập đoàn phát động và ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt với số tiền 114,6 triệu đồng.

3.4. Hoạt động của các tổ chức Đoàn thể: Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty luôn luôn bám sát các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mỗi tổ chức đồng thời phối hợp triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai học tập các Chỉ thị, Nghị quyết các cấp, đặc biệt là động viên cán bộ CNVLD tiếp tục triển khai có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

3.5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường: Công tác đảm bảo an ninh trật tự; công tác an toàn vệ sinh lao động phòng cháy nổ tại nhà máy được HĐQT Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng; chỉ đạo duy trì chế độ trực ban đối với đội bảo vệ nhà máy nhất là trong các dịp nghỉ lễ, Tết; chủ động phối hợp với Công an huyện Quế Phong, Công an xã Đồng Văn và Bộ đội biên phòng để nắm chắc tình hình và có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo an ninh chính trị. Chỉ đạo phân xưởng Vận hành - Sửa chữa thực hiện nghiêm túc công tác đảm bảo AT-VSLĐ-PCCN; thường xuyên kiểm tra các phương tiện, thiết bị, vật liệu phòng cháy, chữa cháy để đảm bảo xử lý kịp thời khi có các tình huống xấu có thể xảy ra; hưởng ứng tích cực “Tuần lễ quốc gia AT-VSLĐ-PCCN”; lắp đặt đầy đủ các biển báo, biển chỉ dẫn, khẩu hiệu thực hiện ATLD, đúng quy trình; trang bị đầy

đủ đúng chủng loại các phương tiện bảo vệ cá nhân cho CNLĐ như quần áo, mũ, dày, ủng bảo hộ....; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Kết quả năm 2017 không có tai nạn lao động, cháy nổ, mất an ninh trật tự, môi trường làm việc thân thiện, an toàn góp phần quan trọng để vận hành nhà máy an toàn, ổn định.

4. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác

4.1. Hợp đồng mua bán điện: Công ty đã hoàn thành ký kết phục lục bổ sung hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Hủa Na với Công ty mua bán điện (EPTC) trên cơ sở giá trị quyết toán vốn dự án giai đoạn 1, nội dung chính như sau: Giá điện bình quân cả đời dự án là 864,78 đồng/kWh, từ ngày 01/4/2018 áp dụng giá điện mới với giá cố định 889,13 đồng/kWh, giá O&M là 70,59 đồng/kWh, mỗi năm chi phí O&M được tính trượt giá 2,5%, năm cơ sở là năm 2016 (tổng giá điện năm 2018: $889,13 + 70,59 * 1,025 * 1,025 = 963,3$ đồng/kWh; Giá điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng).

4.2. Công tác niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán Upcom: Công ty đã hoàn thành niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán Upcom, đã được trung tâm lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 22/8/2017 với mã chứng khoán là HNA, số lượng cổ phiếu đăng ký là 225.659.210 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 28/9/2017 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu và ngày 5/10/2017 là ngày đầu tiên giao dịch.

4.3. Các nội dung còn lại trong công tác đầu tư dự án:

- Hoàn thành thi công, nghiệm thu quyết toán, bàn giao cho sở giao thông vận tải Nghệ An và đơn vị quản lý tuyến đường từ km9+500 đến km37+166 đảm bảo đúng tiến độ vào ngày 10/7/2017.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng TĐC: Công ty đang tích cực phối hợp với UBND huyện Quế Phong, Hội đồng bồi thường và Ban quản lý dự án Tái định cư thủy điện Hủa Na để tiếp tục hoàn thành các công việc còn tồn tại.

- Công tác quyết toán: i) Đã phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hủa Na giai đoạn 1 với giá trị là 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT); ii) Đối với các phần công việc dự kiến còn lại dự án thủy điện Hủa Na sau khi rà soát ước còn lại khoảng 256,2 tỷ đồng. Phần còn lại này đã quyết toán đạt 118,9 tỷ đồng/256,2 tỷ đồng. Giá trị còn lại chưa quyết toán thuộc các hạng mục BTHT&TĐC dở dang, Công ty sẽ tiến hành quyết toán ngay sau khi các phần việc này hoàn thành.

5. Công tác tài chính: (Xem Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán)

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018 CỦA HĐQT

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,35
2	Chỉ tiêu tài chính		
-	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.256,6
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46
-	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,97
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,97
-	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,23
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	0,31
3	Đào tạo (180 lượt người)	Tỷ đồng	0,56
4	Giá thành	Đồng/kWh	892
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	138,4
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	21,75

2. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, vật tư vật liệu phục vụ SXKD.

- Kế hoạch sửa chữa định kì: Thực hiện tiêu tu Nhà máy đảm bảo tiến độ, yêu cầu kỹ thuật trong tháng 4/2018.

- Mua sắm tài sản cố định: Để phục vụ tốt nhu cầu quản lý vận hành nhà máy, tổ chức mua sắm các tài sản như: 01 ô tô con 7 chỗ; xây dựng dãy nhà cấp IV, 12 gian cho CBCNV vận hành tại Nhà máy; bổ sung một số hạng mục để nâng cao hơn nữa khả năng làm việc của các thiết bị,...

- Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ tiêu tu, dự phòng sửa chữa định kỳ: Thực hiện theo nhu cầu tiến độ thực tế.

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hủa Na

Thực hiện hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư theo quy định của Nhà nước.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:

+ Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

+ Thăm hỏi, tặng quà đồng bào tái định thuộc dự án thủy điện Hòa Na trong các dịp lễ, tết.

+ Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn.

+ Tham gia các các trương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu vùng xa.

- Tham gia các sự kiện về môi trường như:

+ Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;

+ Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý Công ty cần thực hiện các giải pháp sau:

1. Về phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu; tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành hoặc đơn vị liên quan để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy.

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2018 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tình mạng con người.

3. Về công tác tài chính.

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng đối với các hạng mục còn lại của dự án.

4. Về công tác quản trị.

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường việc quản lý, quản trị, chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề quan trọng trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013-2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2018-2023.

I. TỔ QUAN VỀ HĐQT NHIỆM KỲ 2013-2018

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na nhiệm kỳ 2013-2018 được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 07/6/2013 gồm 05 thành viên tại phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013. Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT Công ty có một số biến động về nhân sự được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn.

Điểm thuận lợi của HĐQT trong nhiệm kỳ qua là luôn có 03 thành viên là cán bộ quản lý trực tiếp của Công ty, trong đó Chủ tịch HĐQT là chuyên trách, các thành viên còn lại đều đang làm các công việc có liên quan nhiều đến các lĩnh vực hoạt động đầu tư, tài chính nên rất am hiểu và thuận lợi khi trao đổi, thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2013-2018.

Với tinh thần trách nhiệm cao, cùng sự quan tâm chỉ đạo của các Cổ đông, đặc biệt là Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trong nhiệm kỳ 2013-2018 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cụ thể:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Năm	Sản lượng (triệu Kwh)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)		Ghi chú
				Thực hiện	% HTKH	
1	2013	642,59	601,53	57,93	170%	
2	2014	672,77	657,85	31,08	149,7%	
3	2015	459,19	458,37	-118,55	110%	
4	2016	558,07	522,72	-51,07	140%	
5	2017	734,38	653,6	9,45	652%	

- Ngày 07/8/2014, Sản lượng điện Nhà máy thủy điện Hòa Na đạt mốc 01 tỷ kWh.

- Ngày 22/11/2017, Sản lượng điện Nhà máy thủy điện Hòa Na đạt mốc 03 tỷ kWh.

2. Các kết quả trọng tâm khác

- Tháng 06/2013, Công trình Thủy điện Hòa Na được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen “có thành tích trong quá trình tham gia xây dựng và vận hành đúng tiến độ an toàn nhà máy thủy điện Hòa Na, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc”;

- Tháng 08/2014, Công trình Thủy điện Hòa Na đạt “Giải Công trình chất lượng cao năm 2014” của Bộ Xây dựng;

- Ngày 01/6/2015, Hoàn thành phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh (lần 3) Dự án Thủy điện Hòa Na theo Quyết định số 21/QĐ-HĐQT-HHC, với giá trị TMĐThc3 của dự án là: 7.092.979,9 triệu đồng;

- Đã phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na giai đoạn 1 với giá trị là 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế GTGT).

- Công ty đã hoàn thành toàn bộ công tác bàn giao, thu hồi vốn đường dây 220kV Hòa Na - Thanh Hóa từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Ngày 22/8/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với mã chứng khoán là HNA, số lượng cổ phiếu đăng ký là 225.659.210 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 28/9/2017 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu và ngày 05/10/2017 là ngày đầu tiên giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM;

- Ngày 10/7/2017, Hoàn thành thi công, nghiệm thu quyết toán, bàn giao cho sở giao thông vận tải Nghệ An và đơn vị quản lý tuyến đường từ km9+500 đến km37+166 đảm bảo đúng tiến độ;

- Ngày 10/11/2017, Công ty đã ký kết phục lục bổ sung hợp đồng mua bán điện chính thức nhà máy thủy điện Hòa Na theo giá trị quyết toán vốn đầu tư với Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Công ty Mua bán điện (EPTC);

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ (2018-2023)

- Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực thủy điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.

- Xây dựng chiến lược chào giá “linh hoạt” để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đây cũng chính là quá trình đơn vị tự "chuyên nghiệp hóa", nâng cao uy tín, sức mạnh cho mình, chuẩn bị cho việc tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong năm 2019 tiến tới thị trường điện hoàn thiện sau năm 2023. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổ thị trường để nắm bắt thị trường nhanh nhạy, biết phân tích đánh giá và am hiểu các quy luật của thị trường; có khả năng phân tích hệ thống và nắm vững các đặc tính vận hành hồ chứa, thu thập, nắm bắt tình hình thủy văn qua các năm vận hành để có chiến lược chào giá phù hợp với từng giai đoạn, đem lại hiệu quả doanh thu cao nhất cho Công ty.

- Tăng cường học hỏi, phối hợp tốt và kịp thời với các đơn vị mua bán điện, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực để khai thác tối đa lợi thế trên thị trường điện như: Có chiến lược chào giá hợp lý, phân bổ sản lượng Qc phù hợp với chế độ thủy văn của Nhà máy, thời gian thanh toán tiền điện nhanh nhất, tối ưu hóa công suất các tổ máy.

- Tiếp tục thực hiện vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy theo đúng định kỳ, thời điểm thích hợp tránh làm ảnh hưởng đến thời điểm phát điện hiệu quả của Nhà máy.

- Tiếp tục nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành, để chủ động hơn trong việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên Nhà máy

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, TCHC, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017, KẾT QUẢ SXKD GIAI ĐOẠN 2013-2017
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (PVPower HHC) báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017 và mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

Phần I:

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ
GIAI ĐOẠN NĂM 2013-2017**

A. Kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh năm 2017.

I. Tình hình sản xuất kinh doanh điện.

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na thực hiện SKKD năm 2017 trong bối cảnh có rất nhiều những khó khăn thách thức, như: Đầu năm 2017 mực nước hồ chỉ đạt cao trình 234,7/240m; Giá hợp đồng mua bán điện ký mới theo giá trị quyết toán dự án nhưng chưa được áp dụng trong năm 2017; Giá điện thị trường trung bình thấp hơn nhiều so với trung bình các năm liền kề,...dẫn đến mục tiêu hoàn thành kế hoạch doanh thu có những thời điểm xác định khó có thể vượt qua.

Trong bối cảnh khó khăn như vậy, nhưng Nhà máy đã có những thuận lợi và giải pháp như: 6 tháng cuối năm lưu lượng nước về hồ tương đối nhiều so với trung bình nhiều năm; Công ty luôn được sự hỗ trợ, ủng hộ tối đa từ các Cổ đông, của Tập đoàn Dầu khí VN/Tổng Công ty Điện lực Dầu khí VN; Toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na luôn đồng hành, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, Công ty thực hiện tiết kiệm tiết giảm tối đa và chỉ thực hiện những chi phí/hạng mục cấp thiết để đảm bảo Nhà máy hoạt động an toàn. Kết quả tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
I	Sản lượng điện	Tr.kw.h	645,06	734,38	113,84%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	636,8	653,6	103%
1	Doanh thu phát điện:	Tỷ đồng	571,6	575,3	

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
2	Thu thuế TN, MT rừng, tài chính khác	Tỷ đồng	65,2	78,3	
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	635,3	644,1	101%
	Chi phí chưa thuế	Tỷ đồng	570,1	568,9	
	Thuế TN, phí MT rừng	Tỷ đồng	65,2	75,2	
IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	128,9	135,16	104,8%

2. Đánh giá thực hiện SXKD, quản lý vận hành.

2.1 Về sản lượng điện, doanh thu.

Bước sang sang năm 2017 Nhà máy thủy điện Hòa Na vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong kế hoạch phát điện theo kế hoạch đề ra, như: Mực nước đầu năm 2017 chỉ đạt 234,7m, thấp hơn mực nước dâng bình thường hơn 5m; lưu lượng nước về hồ 6 tháng đầu năm chỉ đạt 80% trung bình nhiều năm dẫn đến sản lượng 6 tháng chỉ đạt 85% so với kế hoạch; kết hợp giá thị trường trong 6 tháng đầu năm là mùa khô nhưng thấp hơn nhiều so với các năm liền kề, dự kiến khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu cả năm 2017 rất khó khăn.

Tuy nhiên, sang tháng 7/2017 tình hình thủy văn thuận lợi hơn do ảnh hưởng của cơn bão số 2, áp thấp nhiệt đới vào tháng 7 và tháng 10, kết hợp Nhà máy tính toán phát điện bám sát thị trường vào từng thời điểm thuận lợi. Do đó kết thúc năm 2017 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 14% kế hoạch, vượt sản lượng theo thiết kế, doanh thu vượt 3%, lợi nhuận tăng 8 tỷ đồng so với kế hoạch.

Mặc dù sản lượng điện năm 2017 phát lớn, nhưng đến ngày 31/12/2017 mực nước hồ Nhà máy thủy điện Hòa Na vẫn được tính toán để đạt cao trình ~239m, đáp ứng nhu cầu cho SXKD năm 2018 được thuận lợi.

2.2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa.

a/ Công tác vận hành: Trong năm 2017 Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, đồng thời phù hợp với chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh.

b/ Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị: Nhà máy thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (đại tu) vào tháng 3; 4/2017. Sau bảo dưỡng hệ thống thiết bị hoạt động đạt yêu cầu kỹ thuật. Về tiến độ đã hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa xong trước 2 ngày so với kế hoạch Trung tâm điều độ thông qua, tiết kiệm khoảng 3-4 tỷ đồng doanh thu phát điện cho Công ty.

c/ Công tác bảo trì, bảo dưỡng:

Công ty luôn thường xuyên đánh giá mức độ quan trọng, cần thiết của các hạng

mục cần bảo trì để thực hiện. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng theo đánh giá chưa phải bảo trì theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn.

Do ảnh hưởng của cơn bão số 2 trong tháng 7 và áp thấp nhiệt đới trong tháng 10 mưa nhiều gây lở đất, đá; sạt mái cơ nhà máy, tháp điều áp, đường vận hành; xói lở hệ thống thoát nước các đường vận hành; sụt lún nhiều vị trí. Tuy nhiên các sự cố trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động phát điện của Nhà máy, công ty đã tiến hành khắc phục ngay để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Các ảnh hưởng do mưa bão đã được Công ty bảo hiểm bồi thường thiệt hại theo nội dung hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

d/ Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ đại tu và bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của nhà máy: Trong năm 2017 Công ty đã tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ đại tu và dự phòng sửa chữa thường xuyên đáp ứng theo kế hoạch. Thiết bị mua sắm đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ phục vụ trong quá trình sửa chữa.

II. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Hợp đồng mua bán điện:

Năm 2017 đã hoàn thành ký kết phục lục bổ sung hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện với Công ty mua bán điện (EPTC) trên cơ sở giá trị quyết toán vốn dự án giai đoạn 1 với nội dung chính như sau: Giá điện bình quân cả đời dự án là 864,78 đồng/kWh, từ ngày 01/4/2018 áp dụng giá điện mới với giá cố định 889,13 đồng/kWh, giá O&M là 70,59 đồng/kWh, mỗi năm chi phí O&M được tính trượt giá 2,5%, năm cơ sở là năm 2016 (tổng giá điện năm 2018: $889,13 + 70,59 * 1,025 * 1,025 = 963,3$ đồng/kWh; Giá điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng).

2. Công tác niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán Upcom:

Trong năm 2017 Công ty cũng đã hoàn thành niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán Upcom, đã được trung tâm lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 22/8/2017 với mã chứng khoán là HNA, số lượng cổ phiếu đăng ký là 225.659.210 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 28/9/2017 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu và ngày 5/10/2017 là ngày đầu tiên giao dịch.

3. Các nội dung còn lại trong công tác đầu tư dự án:

3.1. *Sửa chữa đường Tây Nghệ An:* Hoàn thành thi công, nghiệm thu quyết toán, bàn giao cho sở giao thông vận tải Nghệ An và đơn vị quản lý tuyến đường từ km9+500 đến km37+166 đảm bảo đúng tiến độ vào ngày 10/7/2017.

3.2. *Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng TĐC.*

Tình hình thực hiện các nội dung còn tồn tại, vướng mắc trong Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư như sau:

a/ Công tác giao đất tái định cư:

- Về đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác: Đã hoàn thành giao đất 937,4/937,4 ha tại 13/13 điểm TĐC. Tuy nhiên, theo báo cáo sơ bộ của Hạt kiểm lâm của huyện Quế Phong, trong đó có 222 ha hiện đang là rừng tự nhiên dân chưa khai hoang, UBND tỉnh đang yêu cầu giữ lại và tìm diện tích khác để giao thay thế. PVPowerHHC đã phối hợp với UBND huyện chỉ đạo nhà thầu tư vấn phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Hạt kiểm lâm của huyện Quế Phong tiến hành rà soát để thống nhất số liệu chính thức. Đồng thời, UBND huyện đã có chỉ đạo Hạt kiểm lâm phối hợp với văn phòng đăng ký sử dụng đất của huyện tiến hành rà soát và tìm kiếm các diện tích phù hợp để giao đất thay thế cho nhân dân.

- Về đất lâm nghiệp: Đã hoàn thành cho 10/13 điểm TĐC, UBND huyện đang đẩy nhanh tiến độ giao đất lâm nghiệp cho 03 điểm TĐC còn lại (hoàn thành phương án và bốc thăm tại 02 điểm, đang triển khai giao mốc ngoài thực địa).

- Về đất lúa nước: Trong 13 điểm tái định cư tình hình giao đất lúa nước như sau:

+ Tại 8 điểm tái định cư đã có đủ diện tích lúa nước, cần phục hồi: PVPowerHHC đã giải ngân toàn bộ kinh phí hỗ trợ phục hồi cho 08/08 điểm với tổng kinh phí 13,46 tỷ đồng để giao đất lúa nước cho 532 hộ; Hiện tại, đã hoàn thành giao đất cho 420/532 hộ.

+ Tại 5 điểm tái định cư còn lại phải xây dựng đồng ruộng mới: Đã hoàn thành xây dựng và bàn giao đưa vào sử dụng tại 02 điểm tái định cư (Xốp Cọ - Nậm Niên, Khủn Na). Còn lại 3 điểm tái định cư: Huôi Chà Là, Huôi Siu + Huôi Lạn, Piêng Cu đang được thực hiện với khối lượng xây dựng đạt khoảng 78,8%.

b/ Các nội dung khác:

- Hỗ trợ lương thực ổn định đời sống: Đến năm 2017 đã hoàn thành cấp phát lương thực với thời gian hỗ trợ theo quy định là 48 tháng. Tuy nhiên, do chưa hoàn thành công tác giao đất nên chính quyền địa phương có văn bản yêu cầu tiếp tục hỗ trợ đến khi giao đủ đất sản xuất. Căn cứ tình hình thực hiện công tác giao đất, dự kiến giá trị phát sinh kinh phí hỗ trợ gạo vượt 48 tháng là 4,2 tỷ đồng. Công ty đang báo cáo và xin ý kiến các cấp thẩm quyền về việc dự kiến phát sinh hỗ trợ này.

- Bồi thường do đối trừ giá trị đất tại nơi đi và nơi đến: Do có sự chênh lệch về giá đất giữa nơi đi và nơi đến nên có khả năng tăng chi phí bồi thường khi thực hiện đối trừ. Sau khi PVPowerHHC có văn bản đề nghị chính quyền địa phương xem xét, xử lý bất cập trong việc chênh lệch giá như đã nêu trên, UBND huyện Quế Phong đã có văn bản báo cáo UBND tỉnh Nghệ An và đang thực hiện công tác lập đơn giá đất của các điểm tái định cư năm 2018 phù hợp để triển khai thực hiện.

- Sửa chữa các công trình cấp nước: Các hệ thống công trình cấp nước tại 13 điểm TĐC đã được đầu tư hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Trong thời gian qua, địa phương không có các biện pháp quản lý, vận hành và bảo trì phù hợp; đồng thời, do ảnh hưởng của thời tiết và tác động của con người trên địa bàn dẫn đến các hệ thống cấp nước bị hư hỏng, xuống cấp và gây mất nước tại một số điểm tái định cư. Hiện tại đã hoàn thành công tác thi công sửa chữa cải tạo và đã bàn giao cho địa

phương đưa vào sử dụng hệ thống cấp nước các điểm tái định cư: Piêng Cu, Huôi Siu - Huôi Lạn, Khùn Na, Nậm Nui - Nậm Ke, Huôi Duộc - Huôi Man, Pù Sai Cáng, Huôi Đừa, Na Luóm, Huôi Sai. Riêng đối với hệ thống cấp nước 02 điểm tái định cư Huôi Đừa và Huôi Duộc - Huôi Man, mặc dù đã tiến hành sửa chữa rò rỉ tại đập nước nhưng do điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu có nhiều diễn biến xấu dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn nước và thực tế hiện tại nguồn nước cấp không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng cho nhân dân tái định cư. Hiện nay, PVPower HHC đang triển khai công tác thiết kế và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo, dự kiến hoàn thành vào Quý II năm 2018.

3.3. Công tác quyết toán:

a) Quyết toán giai đoạn 1: Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na giai đoạn 1 với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMDT (bao gồm thuế GTGT).

b) Quyết toán giai đoạn 2 (phần còn lại):

Đối với các phần công việc dự kiến còn lại dự án thủy điện Hòa Na sau khi rà soát ước còn lại khoảng 265 tỷ đồng. Phần còn lại này đã quyết toán đạt 120 tỷ đồng/265 tỷ đồng. Giá trị còn lại chưa quyết toán thuộc các hạng mục BTHT&TĐC dở dang và đang tồn tại như trên, Công ty sẽ tiến hành quyết toán ngay sau khi các phần việc này hoàn thành.

4. Về công tác quản lý chi phí, giá thành, sử dụng vốn, tài sản: Trong quá trình đầu tư dự án và quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty luôn sử dụng vốn, tài sản đúng mục đích. Công tác quản lý chi phí, giá thành luôn được thực hiện tiết kiệm phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

5. Công tác đấu thầu mua sắm, quản lý và thực hiện hợp đồng:

Trong năm 2017 Công ty đã ký kết và thực hiện 53 hợp đồng với tổng giá trị trước thuế là 63,63 tỷ đồng, trong đó:

- Giá trị hợp đồng thuộc dự án đầu tư là: 18,60 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng thuộc sản xuất kinh doanh là: 45,03 tỷ đồng.

Trong quá trình thực hiện công tác mua sắm, quản lý hợp đồng, Công ty luôn tuân thủ chấp hành các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty cũng như quy chế, quy định của PVPower HHC.

6. Kết quả thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí:

Trong quá trình vận hành sản xuất, công ty luôn đặt mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí lên hàng đầu. Kết quả ước thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí hoạt động năm 2017 là 4,9 tỷ đồng.

III. Công tác lao động, đào tạo, ASXH, hoạt động đoàn thể, môi trường.

1. Công tác lao động tiền lương.

- Tổng số CBCNV thực hiện năm 2017 là 116/117 người.
- Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2017 là 14,5 triệu đồng/người/tháng.

2. Công tác đào tạo:

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho 261 lượt CBCNV, cụ thể: khóa tập huấn chính sách thuế mới; khóa đào tạo kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro các công trình; tham quan học tập kinh nghiệm quản lý vận hành tại nhà máy thủy điện Bản Vẽ, Hòa Bình; bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh an toàn phòng chống khủng bố; đào tạo nâng cao công nghệ cơ khí; khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC cơ sở; khóa đào tạo về ăn mòn và kiểm soát ăn mòn vật liệu; đào tạo cập nhật phần mềm kế toán mới; đào tạo nâng cao về Role bảo vệ điện; khóa học cơ bản về công tác tổ chức đăng ký chứng khoán; khóa đào tạo công nghệ hàn hơi, hàn điện; huấn luyện nghiệp vụ ATSKMT cho ATVSV, hội thao ATSKLD – PCCN và Hội nghị ATSKMT; thi nâng bậc và giữ bậc đối với nhân viên vận hành sửa chữa, lớp tập huấn y tế với tổng kinh phí là 558,01 triệu đồng.

3. Công tác an sinh xã hội:

Đối với công tác an sinh xã hội, bên cạnh chỉ đạo việc hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, rủi ro tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài, Ban Giám đốc Công ty cũng đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc và động viên cán bộ CNVLD làm thêm giờ vào các ngày Thứ 7 để ủng hộ các quỹ do Tập đoàn phát động và ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt với số tiền 114,6 triệu đồng.

4. Hoạt động của các tổ chức Đoàn thể.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty luôn bám sát các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mỗi tổ chức đồng thời phối hợp triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai học tập các Chỉ thị, Nghị quyết các cấp, đặc biệt là động viên cán bộ CNVLD tiếp tục triển khai có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” Kết quả 3 năm liền: 2013, 2014, 2015 các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh luôn đạt trong sạch vững mạnh được các cấp tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen các loại góp phần quan trọng trong việc quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả, vận hành nhà máy Thủy điện Hòa Na an toàn và ổn định.

5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường.

Song song với nhiệm vụ quản lý dự án và SXKD của Công ty thì công tác đảm bảo an ninh trật tự; công tác an toàn vệ sinh lao động phòng cháy nổ tại nhà máy được ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng; chỉ đạo duy trì chế độ trực ban đối với đội bảo vệ nhà máy nhất là trong các dịp nghỉ lễ, Tết; chủ động phối hợp với Công an huyện Quế Phong, Công an xã Đồng Văn và Bộ đội biên phòng để nắm chắc tình hình và có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo an ninh chính trị. Chỉ đạo phân xưởng Vận hành - Sửa chữa thực hiện nghiêm túc công tác đảm bảo AT-VSLĐ-PCCN; thường xuyên kiểm tra các phương tiện, thiết bị, vật liệu phòng cháy, chữa cháy để đảm bảo xử lý kịp thời khi có các tình huống xấu có thể xảy ra; hưởng ứng tích cực “Tuần lễ quốc gia AT-VSLĐ-PCCN”; lắp đặt đầy đủ các biển báo, biển chỉ dẫn, khẩu hiệu thực hiện ATLĐ, đúng quy trình; trang bị đầy đủ đúng chủng loại

các phương tiện bảo vệ cá nhân cho CNLD như quần áo, mũ, dày, ủng bảo hộ....; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Kết quả năm 2017 không có tai nạn lao động, cháy nổ, mất an ninh trật tự, môi trường làm việc thân thiện, an toàn góp phần quan trọng để vận hành nhà máy an toàn, ổn định.

B. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2018.

Dưới sự chỉ đạo, tin tưởng của Đại hội đồng Cổ đông, cùng sự chỉ đạo và đồng hành vượt qua mọi khó khăn, tháo gỡ các vướng mắc của Hội đồng quản nhiệm kỳ 2013-2018, Ban Giám đốc đã tổ chức quản lý, điều hành Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na hoàn thành mục tiêu quan trọng nhất là đưa 2 tổ máy phát điện hòa vào lưới điện quốc gia vào quý I/2013 đúng tiến độ, đó là tiền đề để tiếp tục thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh điện và hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đến dự án, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu sản lượng điện và chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2013-2017.

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch từ năm 2013 đến năm 2017	Thực hiện từ năm 2013 đến năm 2017	Tỷ lệ hoàn thành (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng	Tr.kWh	2.854,29	3.066,97	107%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.616,73	2.894,08	111%
3	Chi phí	Tỷ đồng	3.105,43	2.965,24	95%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	(488,70)	(71,16)	+417,1

Như vậy, trong giai đoạn năm 2013-2017 sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận thực hiện đều vượt so với kế hoạch đề ra, nộp ngân sách nhà nước tổng cộng 327 tỷ đồng (sau khi được khấu trừ thuế VAT).

2. Kết quả đạt được và chưa đạt được các mục tiêu khác trong nhiệm kỳ 2013-2018 của Hội đồng quản trị.

Ngoài tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh điện hiệu quả, hàng năm vượt các chỉ tiêu kế hoạch như trên, Ban Giám đốc đã tổ chức chỉ đạo hoàn thành các nội dung chính như:

- Tổ chức lập, trình phê duyệt Tổng mức đầu tư/Tổng dự toán hiệu chỉnh lần cuối để cấp thẩm quyền phê duyệt vào tháng 6/2015.
- Tổ chức báo cáo, giải trình với cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán dự án đầu tư Công trình thủy điện Hủa Na tháng 11/2015. Sau kiểm toán Công ty đã hiện đầy đủ các kiến nghị của Kiểm toán đạt yêu cầu.
- Hoàn thành trình phê duyệt Quyết toán vốn dự án hoàn thành giai đoạn 1 dự án thủy điện Hủa Na (đạt khoảng 95% giá trị đầu tư dự án) vào tháng 6/2016.
- Hoàn thành công tác bàn giao và thu hồi vốn đầu tư đường dây 220 kV Hủa Na – Thanh Hóa từ EVN trong cuối năm 2016, đầu năm 2017.

- Trong năm 2015-2016 là giai đoạn rất căng thẳng trong việc cân đối dòng tiền, doanh thu bán điện không đủ để chi trả vốn vay, lãi vay với các ngân hàng. Để vượt qua khó khăn, cân đối được tài chính Công ty đã thực hiện thành công việc giảm lãi suất, giãn nợ với Ngân hàng phát triển, đồng thời hoàn thành công tác bàn giao và thu hồi vốn đầu tư đường dây 220 kV Hòa Na – Thanh Hóa từ EVN.

- Và một số nội dung đạt được trong năm 2017 đã nêu chi tiết như: ký phụ lục bổ sung hợp đồng mua bán điện với EVN theo giá trị quyết toán dự án; Sửa chữa bàn giao đường Tây Nghệ An cho sở giao thông Nghệ An quản lý; Niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn chứng khoán Upcom.

Ngoài những kết quả đạt được như trên, đến nay vẫn còn tồn tại một số nội dung còn lại trong công tác bồi thường tái định cư như đã nêu tại kết quả thực hiện SXKD năm 2017. Trong thời gian tới Ban Giám đốc tiếp tục phối hợp, sát cánh cùng với UBND huyện Quế Phong phấn đấu hoàn thành cơ bản các tồn tại vướng mắc trong năm 2018.

Phần II:

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2018

I. Nhiệm vụ.

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na an toàn, ổn định. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để thực hiện phát điện đạt doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho để lập kế hoạch mua sắm phù hợp theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện công tác tiêu tu Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công tác đầu tư xây dựng và mua sắm.

a) Công tác đầu tư:

- Thực hiện hoàn thành dứt điểm các nội dung còn lại và các phát sinh phải thực hiện (nếu có) trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư.
- Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án.

b) Công tác mua sắm:

Mua sắm tài sản cố định, vật tư, thiết bị bao gồm: Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng phục vụ sửa chữa thường xuyên; vật tư thiết bị phục vụ công tác tiêu tu Nhà máy; các vật tư thiết bị cần thiết khác và mua sắm tài sản cố định đảm bảo đủ, chất lượng phù hợp với nhu cầu thực tế để phục vụ trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh điện:

➤ Sản lượng điện thương mại	: 650,35 triệu kWh.
➤ Chỉ tiêu tài chính:	
- Vốn điều lệ	: 2.256,6 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu :	: 660,46 tỷ đồng.
+ <i>Doanh thu từ sản xuất điện</i>	: 587,32 tỷ đồng.
+ <i>Thu phí tài nguyên nước; thuế môi trường; phí quyền khai thác nước mặt theo ND82/2017/ND-CP</i>	: 73,14 tỷ đồng.
- Tổng chi phí	: 653,49 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	: 6,97 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	: 6,97 tỷ đồng.
- Hệ số nợ/vốn điều lệ	: 1,23 lần (tạm tính).
- Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	: 0,31%
➤ Đào tạo (180 lượt người)	: 0,56 tỷ đồng.
➤ Giá thành	: 892 đồng/kwh.
➤ Nộp ngân sách nhà nước	: 138,4 tỷ đồng.
➤ Lao động	: 117 người.
➤ Quỹ tiền lương	: 21,75 tỷ đồng (tạm tính)

2. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, vật tư vật liệu phục vụ SXKD.

a) Kế hoạch sửa chữa định kì: Thực hiện tiêu tu Nhà máy đảm bảo tiến độ, yêu cầu kỹ thuật trong tháng 4/2018.

b) Mua sắm tài sản cố định: Để phục vụ tốt nhu cầu quản lý vận hành nhà máy, tổ chức mua sắm các tài sản như: 01 ô tô con 7 chỗ; xây dựng dãy nhà cấp IV 12 gian cho CBCNV vận hành tại Nhà máy; bổ sung một số hạng mục để nâng cao hơn nữa khả năng làm việc của các thiết bị,...

c) Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ tiêu tu, dự phòng sửa chữa định kỳ: Thực hiện theo nhu cầu tiến độ thực tế.

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hủa Na

Thực hiện hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư theo quy định của Nhà nước.

III. Giải pháp thực hiện KHSXKD năm 2018:

1. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện.

- Vận hành an toàn hiệu quả nhà máy thủy điện Hủa Na. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành nhà máy, kịp thời thay thế phụ tùng, thiết bị ngay khi có dấu hiệu hư hỏng không thể sửa chữa.

- Nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ vận hành nhằm chủ động hơn trong quá trình vận hành và các kỳ bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ của nhà máy. Tổ thị trường tiếp tục phát huy, nâng cao hơn nữa chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu sâu thị trường để phán đoán, đưa ra giá chào hợp lý đem lại lợi nhuận cao nhất cho công ty. Nâng cao tinh thần học hỏi, hoàn thiện và phát huy năng lực trong mỗi cán bộ công nhân viên phù hợp với vị trí nhiệm vụ được giao. Khuyến khích CBCNV tích cực tự học hỏi, nghiên cứu nâng cao năng lực, tay nghề qua việc vận hành nhà máy; lưu ý học hỏi kinh nghiệm qua các lần tiểu tu, trung tu, đại tu do các đơn vị đến thực hiện để nâng cao hiểu biết trong công tác vận hành nhà máy.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, công cụ dụng cụ, trang thiết bị văn phòng phù hợp nhu cầu sử dụng thực tế trong năm. Thường xuyên kiểm tra đảm bảo an ninh tại nơi ở, nơi làm việc, khu vực thuộc sự quản lý của công ty.

- Chú trọng học hỏi, tìm hiểu áp dụng các ứng dụng công nghệ mới trong quản lý vận hành nhà máy điện.

2. Giải pháp hoàn thành công tác bồi thường tái định cư còn lại.

- Tích cực bám sát hiện trường, kịp thời nắm bắt tình hình khó khăn, vướng mắc để phối hợp, hỗ trợ, sát cánh cùng chính quyền địa phương. Trong đó PVPower HHC xác định phương châm hành động là phải tự chủ động lấy công việc, không phân biệt công việc thuộc trách nhiệm của các bên.

- Chú trọng thực hiện công tác rà soát theo định kỳ hàng tháng, hàng tuần đối với toàn bộ các công việc còn lại, các nội dung tồn tại, vướng mắc; qua đó xác định trách nhiệm của các bên liên quan để đưa ra từng giải pháp xử lý cụ thể và thống nhất tiến độ hoàn thành.

- Đối với các nội dung công việc và các hạng mục đã hoàn thành, PVPower HHC sẽ nhanh chóng thực hiện bàn giao dứt điểm cho chính quyền và nhân dân địa phương để quản lý và vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc chính quyền địa phương theo tiến độ cam kết.

- Hàng tuần tổ chức giao ban với địa phương như UBND huyện, Hội đồng bồi thường, ban quản lý dự án tái định cư và các xã, các thôn bản. Hàng tháng, hàng quý giao ban với Chính quyền tỉnh và huyện để xử lý các vướng mắc tồn tại.

- Chuẩn bị nguồn tài chính để đảm bảo chủ động, thanh toán kịp thời.

Phần III:

ƯỚC THỰC HIỆN SXKD QUÝ I NĂM 2018

1. Thực hiện sản xuất kinh doanh điện.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	KH quý I/2018	Ước TH quý I/2018	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)
I	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650.35	97.13	116.71	120%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660.46	92.23	128.84	140%
1	Doanh thu phát điện:	Tỷ đồng	587.32	81.31	114.60	141%
2	Thu thuế TN, MT rừng, tài chính khác	Tỷ đồng	73.14	10.92	14.24	130%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653.49	156.01	159.19	102%
1	Chi phí (chưa gồm các phí)	Tỷ đồng	580.35	145.09	144.95	100%
2	Thuế TN, phí MT rừng, phí khai thác sử dụng nước mặt	Tỷ đồng	73.14	10.92	14.24	130%
IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6.97	(63.78)	(30.35)	48%
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	138.44	20.04	27.13	135%

Trong quý I/2018 giá thị trường điện tương đối cao nên Nhà máy đã cân đối lượng nước trong hồ và lưu lượng nước về để chào giá phát điện tối đa hóa doanh thu. Kết quả sản lượng điện dự kiến vượt 20%, doanh thu dự kiến vượt 40% so với kế hoạch quý I/2018.

2. Thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm.

2.1) Công tác Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (tiểu tu) năm 2018.

Thực hiện kế hoạch tiểu tu Nhà máy thủy điện Hòa Na vào tháng 4/2018, Ban điều hành đã chỉ đạo hoàn thành các nội dung như:

- Khảo sát tình trạng thiết bị, lập phương án kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa.
- Rà soát vật tư thiết bị cần thiết, vật tư thiết bị đã có sẵn trong kho và tổ chức mua sắm bổ sung để chuẩn bị đầy đủ vật tư thiết bị trước khi thực hiện tiểu tu.
- Trình phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện bảo dưỡng sửa chữa (tiểu tu) nhà máy.

2.2) Công tác bồi thường tái định cư còn lại.

Trong Quý I/2017 Công ty đang phối hợp/hỗ trợ cùng với UBND huyện Quế Phong đẩy nhanh các nội dung đang tồn tại như: Khảo sát lập phương án sửa chữa đường nước; bàn giao lần cuối các hệ thống nước đã hoàn thành khắc phục, sửa chữa; đơn đốc đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công đồng ruộng để bàn giao;...

Phần IV:
KIẾN NGHỊ

Để sớm hoàn thành các nội dung còn lại trong công tác bồi thường tái định cư, góp phần tập trung tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt/vượt các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2018, Ban Giám đốc kiến nghị các Cổ đông tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ Công ty tác động tới UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để tháo gỡ vướng mắc, cũng như chỉ đạo đẩy nhanh thực hiện các nội dung Bồi thường, tái định cư còn lại.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017, các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kg;
- HĐQT (b/c);
- Các PGĐ (th/h);
- Các Phòng ban/Phân xưởng (th/h);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trịnh Bảo Ngọc

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
HỦA NA**

Số:01/2018/HHC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Kính gửi:

- Quý vị Cổ đông;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ theo Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na và Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2018, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na kính báo cáo quý vị Cổ đông về kết quả công tác năm 2017 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Các căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 86/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na được sửa đổi lần 9.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2017 của Công ty.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2017 gồm các Ông:

- | | | |
|-----------------------|---|------------|
| 1. Ông Lê Hải Long | - | Trưởng ban |
| 2. Ông Vũ Thành Trung | - | Thành viên |
| 3. Ông Phạm Mạnh Đức | - | Thành viên |
| 4. Ông Văn Tuấn Thạch | - | Thành viên |
| 5. Ông Bùi Huy Thành | - | Thành viên |

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017, trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Tiến hành kiểm tra định kỳ tình hình hoạt động thực tế tại Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.

– Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, và có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

– Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2017 (Phối hợp với đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 kiểm tra rà soát sổ sách kế toán, tài chính năm 2017 của Công ty).

III. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2017:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tính đến ngày 31/12/2017, Công ty đã vận hành nhà máy điện an toàn, sản lượng điện thực hiện được 734,38 triệu Kwh đạt 113,84% kế hoạch sản lượng năm 2017.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2017 so với 2016 và so với kế hoạch năm 2017:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2017	Thực hiện		Tỷ lệ tăng trưởng so với năm trước (%)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2017 (%)
			Năm 2016	Năm 2017		
-1	-2	-3	-4	-5	(6) = (5-4)/4	(7) = 5/3
1	Tổng doanh thu	571,6	522,722	653,6	25,04	114,35
-	Doanh thu từ sản lượng điện	571,6	519,246	575,3	10,8	100,65
-	Doanh thu từ hoạt động tài chính		1,149	3,073	167,45	
-	Thu nhập khác		2,327	0,003	-99,87	
-	Thu thuế TN, MT rừng			75,224		
2	Tổng chi phí	570,145	573,79	644,17	12,27	112,98
-	Chi phí sản xuất điện	330,351	326,577	411,234	25,92	124,48
-	Chi phí tài chính	239,749	246,489	232,567	-5,65	97
-	Chi phí khác		0,724	0,37	-48,9	
3	Lợi nhuận trước thuế	1,45	-51,07	9,452	-118,51	651,86
4	Lợi nhuận sau thuế	1,592	-51,86	9,452	-118,23	593,71
5	Nộp ngân sách nhà nước	128,9	86,22	135,16	56,76	104,86

Nhận xét:

Năm 2017, Công ty đã vận hành nhà máy an toàn, ổn định, các chỉ tiêu đều đạt so với kế hoạch được duyệt. Giá thành sản xuất điện năng thực hiện trong năm thấp hơn so với kế hoạch được giao.

Doanh thu tăng 114% so với kế hoạch. Nếu loại khoản doanh thu thuế tài nguyên và phí môi trường rừng 75,224 tỷ đồng thì doanh thu là 578,4 tỷ đồng đạt 101,2% so với kế hoạch (Kế hoạch không tính doanh thu thuế tài nguyên và phí môi trường rừng).

Chi phí tăng 112,98% so với kế hoạch. Nếu loại khoản chi phí thuế tài nguyên và phí môi trường rừng 75,224 tỷ đồng thì chi phí là 336,01 tỷ đồng, tương ứng 101,71% (Kế hoạch không tính chi phí thuế tài nguyên và phí môi trường rừng).

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 9,452 tỷ đồng đạt 652% kế hoạch năm.

Nộp ngân sách nhà nước năm 2017 là 135,16 tỷ đồng, tăng 56,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Kết quả đạt được như trên chủ yếu do các nguyên nhân chính như sau:

- Rút ngắn được kỳ thu nợ, cơ cấu lại được lịch trả nợ với các ngân hàng theo hướng có lợi cho các năm tiếp theo và tiết giảm chi phí tài chính cho năm 2017;
- Tính toán và điều chỉnh kịp thời sản lượng điện năm 2017.
- Điều kiện khí tượng thủy văn 2017 tốt hơn năm 2016.

Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì và tăng cường việc quản trị chi phí và có chiến lược điều tiết hồ chứa, khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước để đảm bảo mục nước hồ cho năm 2018.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty:

Báo cáo kiểm toán số: 21/2018/UHY-BCTC ngày 22/2/2018 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY đã đánh giá các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán:

a) Về tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 4.869,022 tỷ đồng giảm 2,08% so với thời điểm đầu năm 2017, do một số nguyên nhân sau:

- Tài sản dài hạn giảm 160,319 tỷ đồng (giảm 3,36%) so với đầu năm 2017:
- + Tài sản cố định giảm 3,84%(179,18 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm do phân khấu hao lũy kế tăng.
- + Tài sản dở dang dài hạn tăng 14,83% (15,45 tỷ đồng) so với đầu năm do tăng phần chi phí đầu tư xây dựng.
- + Tài sản dài hạn khác tăng 54,21% (3,41 tỷ đồng) so với đầu năm do chi phí thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tăng.

b) Về nợ phải trả:

So với thời điểm 01/01/2017, nợ phải trả giảm 112,895 tỷ đồng (giảm 4,13%), cụ thể do:

- Nợ ngắn hạn tăng 164,027 tỷ đồng (tăng 41,14%) so với đầu năm chủ yếu do tăng các khoản phải trả cho người lao động và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Nợ dài hạn giảm 276,922 tỷ đồng (giảm 11,83%) so với đầu năm do chủ yếu giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

c) Về chi phí:

Tổng chi phí trong quá trình sản xuất của Công ty đến ngày 31/12/2017 là: 569,8 tỷ đồng, trong đó:

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)
I	Chi phí hoạt động sản xuất	64,06	65,29	1,23	101,92%
1	Chi phí tiền lương và trích nộp theo lương	21,17	28,3	7,13	133,67%
2	Chi phí vật liệu	1,31	0,45	-0,86	34,36%
3	Chi phí công cụ dụng cụ	3,54	3,11	-0,43	87,78%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,49	18,8	-5,69	76,78%
5	Chi phí bằng tiền khác	13,55	14,63	1,08	107,99%
II	Chi phí khấu hao	266,3	271,22	4,92	101,85%
III	Lãi vay hợp đồng tín dụng	239,79	232,57	-7,22	96,99%

Chi phí hoạt động sản xuất tăng 101,92% (1,23 tỷ) so với kế hoạch chủ yếu do chi phí tiền lương và trích nộp theo lương tăng 133,67% (7,13 tỷ đồng). Chi phí tiền lương và trích nộp theo lương được phê duyệt theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT-HHC ngày 05/02/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

d) Một số chỉ tiêu tài chính:

– Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2017:

$$\frac{\text{Vốn CSH cuối năm}}{\text{Vốn CSH đầu năm}} = \frac{2.245.607.822.566}{2.236.155.815.715} = 1,0004$$

Hệ số bảo toàn vốn CSH = 1,0004 > 1, về cơ bản đơn vị đã quản lý và bảo toàn vốn của chủ sở hữu.

Tỷ suất lợi nhuận (lỗ) thực hiện trên vốn chủ sở hữu:

$$\frac{\text{Lợi nhuận thực hiện}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{9.452.006.851}{2.245.607.822.566} = 0,42\%$$

Tỷ suất lợi nhuận mặc dù còn thấp nhưng về cơ bản đã tăng hơn nhiều so với năm 2016 (-2,28%).

Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{253.863.018.842}{559.759.077.408} = 0,4535$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn năm 2017 (0,4535) thấp hơn năm 2016 (0,4978) < 1 cho thấy khó khăn đối với đơn vị trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn kịp thời.

4. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Năm 2017, Công ty đã hoàn thành xây dựng hạng mục sửa chữa đường Tây Nghệ An bàn giao cho sở giao thông vận tải Nghệ An và tiếp tục chủ yếu tập trung vào công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định canh, định cư còn lại của dự án. Đến nay còn một số nội dung tồn tại và vướng mắc chính như sau:

i) Giá đất tại nơi đến và nơi đi có sự khác nhau do UBND huyện Quế Phong ban hành năm 2017. Với việc áp dụng hai bảng đơn giá không thống nhất sẽ dẫn

đến đòi quyền lợi của nhân dân do bất đồng lợi ích và làm phát sinh tăng chi phí cho dự án.

- ii) Phát sinh yêu cầu của địa phương đề nghị hỗ trợ gạo vượt 48 tháng tại điểm tái định cư Piêng Cu và các điểm tái định cư còn lại là do chưa hoàn thành giao đất sản xuất lúa nước. Khoản kinh phí phát sinh không có trong danh mục Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh (lần 3) được duyệt nên chưa có cơ sở để thực hiện.
- iii) Hệ thống cấp nước tại điểm tái định cư (Huôi Đừa; Huôi Duộc - Huôi Man...): Việc khắc phục sửa chữa các hạng mục công trình này là phát sinh ngoài TMĐThc3 được duyệt.
- iv) Công tác khai hoang xây dựng đồng ruộng đang chậm trễ tại các điểm tái định cư.
- v) Giao đất lâm nghiệp tại 3 điểm tái định cư (Pù Sai Cáng, Na Lướm, Huôi Đừa) với 179 hộ chưa hoàn thành giao đất ngoài thực địa.

Ban kiểm soát đề nghị Công ty làm việc cụ thể với các bên liên quan để có phương án giải quyết dứt điểm vướng mắc trong năm 2018.

5. Về công tác quyết toán vốn dự án:

Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

Quyết toán giai đoạn 2 (phần còn lại): Đối với các phần công việc dự kiến còn lại dự án thủy điện Hòa Na sau khi rà soát ước còn lại khoảng 256,2 tỷ đồng. Phần còn lại này đã hoàn thành 118,9 tỷ đồng/256,2 tỷ đồng, kiểm toán độc lập đã rà soát 102/118,9 tỷ đồng. Giá trị còn lại vướng mắc chủ yếu thuộc các hạng mục Bồi thường hỗ trợ và Tái định cư.

6. Công tác huy động vốn và sử dụng vốn:

Vốn góp của cổ đông: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của công ty là 2.256.592.100.000 đồng. Năm 2017, vốn điều lệ thực góp của Công ty không có thay đổi so với năm 2016. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Cổ đông	Vốn góp theo ĐKKD	Tỷ lệ	Thực góp đến 31/12/2017	Tỷ lệ thực góp
1	Tổng công ty điện lực Dầu khí VN	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	84,14%
2	Ngân hàng TMCP Bắc Á	115.000.000.000	5,12%	115.000.000.000	5,12%
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	4,65%
4	Tổng công ty lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	3,86%
5	Cổ đông khác	50.164.230.000	2,22%	50.164.230.000	2,22%
	Tổng	2.256.592.100.000	100,00%	2.256.592.103.444	100,00%

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện vay bổ sung 140.839.472.000 đồng, bao gồm:

- Vay ngắn hạn: Giải ngân thêm 36.229.417.249 đồng theo HĐTD số 0040.HĐTD2-404.17 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vay dài hạn: Giải ngân thêm 104.610.055.301 đồng theo HĐTD số 182/16/TD-TT/II với Ngân hàng TMCP An Bình, mục đích cấp tín dụng để tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh Tổng mức đầu tư của Dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đến 31/12/2017:

STT	Tên hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Số đã trả gốc	Số giải ngân thêm trong năm	Dư nợ đến 31/12/2017
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000.000.000	60.000.000.000	-	140.000.000.000
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000	7.515.440.000	104.610.055.301	292.484.560.000
3	HĐ tín dụng số.09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784.000.000	22.054.047.216	-	306.729.952.784
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	371.216.000.000	125.832.000.000	-	233.703.118.976
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000	783.666.341.343	-	1.456.333.658.657
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000.000.000	394.994.552.078	-	16.005.447.922
7	HĐ tín dụng số 0040.HĐTD2-404.17 ngày 28/8/2017 với VIB	50.000.000.000	45.179.220.045	36.229.417.249	6.475.333.218
Tổng cộng		3.901.000.000.000	1.439.241.600.682	140.839.472.000	2.451.732.071.557

Với dư nợ tại 31/12/2017 là 2.451.732.071.557 đồng, áp lực trả nợ lãi vay đối với Công ty trong 03 năm tới vẫn khá lớn, phụ thuộc rất lớn vào nguồn thu từ bán điện. Trong điều kiện nguồn thu từ bán điện ổn định, từ năm 2021 trở đi, áp lực trả nợ sẽ giảm xuống.

7. Đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật và các quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty:

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban giám đốc và bộ máy nghiệp vụ của Công ty trong năm 2017 đã tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty cũng đã tuân thủ Quy chế quản trị Công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành 09 Nghị quyết và 73 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định, chỉ thị của Ban giám đốc công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

8. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. Đánh giá về việc thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát và tuân thủ hoạt động đầu tư và SXKD:

Nhìn chung, công tác quản lý và điều hành của Công ty trong năm 2017, được thực hiện theo kế hoạch đề ra. Công ty đã xử lý/ thực hiện các kiến nghị Ban kiểm soát đã nêu cụ thể:

– Đã thực hiện phân loại xác định tuổi nợ và đôn đốc, hướng dẫn các cá nhân thực hiện thanh toán công nợ kịp thời, đầy đủ.

– Đã tiến hành trích lập dự phòng ngắn hạn khoản tạm ứng 2,3 tỷ của Công ty xây dựng 319 - Bộ Quốc Phòng.

– Đã hoàn thành đàm phán với EVN/EPTC và ký hợp đồng mua bán điện điều chỉnh theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành, đảm bảo giá bán điện sau điều chỉnh cao hơn giá hiện tại.

– Đã hoàn thành các gói thầu sửa chữa đường Tây Nghệ An và bàn giao cho Sở Giao thông Nghệ An quản lý.

– Đang tiếp tục rà soát các tồn tại về trình tự thủ tục, hồ sơ pháp lý, quyết toán gói thầu trên cơ sở các ý kiến của các đoàn thanh, kiểm tra để củng cố, hoàn thiện tính pháp lý của dự án.

Tuy nhiên, Ban Kiểm soát cũng lưu ý một số nội dung còn tồn tại như:

– Công tác thu hồi công nợ do đã tạm ứng, thanh toán quá giá trị nghiệm thu thanh quyết toán của gói thầu chưa được xử lý triệt để: Tính đến ngày 31/12/2017 đang còn dự nợ chưa thu hồi được từ các nhà thầu là 4,7 tỷ đồng.

– Tiến độ hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn chậm, ảnh hưởng đến hình ảnh của cổ đông chi phối.

– Việc bàn giao đường dây 35kV cho Điện lực Nghệ An quản lý chưa hoàn thành.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát:

– Tiến hành kiểm tra về kết quả các mặt hoạt động của Công ty và gửi báo cáo cho các Cổ đông, thời gian cụ thể do Ban Kiểm soát thông báo cho Công ty theo quy định.

– Tham gia giám sát công tác kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành và công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

– Thực hiện công tác theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được thông qua.

– Kiểm soát hoạt động tuân thủ của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

– Giám sát hoạt động Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp.

– Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành theo phạm vi quy định của các cổ đông chi phối và cơ quan có thẩm quyền.

V. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khẩn trương xem xét chỉ đạo, tập trung xử lý dứt điểm các nội dung:

1. Đề nghị Công ty tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cá nhân có công nợ thanh toán công nợ kịp thời đầy đủ.

2. Đối với việc thu hồi công nợ: Có biện pháp thu hồi công nợ còn tồn đọng đối với nhà thầu 319 của Bộ Quốc Phòng; Chi phí hỗ trợ đồn biên phòng 115...kể cả biện pháp kiện ra tòa.

3. Tiếp tục rà soát, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết, tiết kiệm chi tiêu; chủ động thực hiện các điều tiết hồ chứa, chào giá linh hoạt trên thị trường; đàm phán với các tổ chức tín dụng,... để giảm chi phí, đảm bảo cân đối dòng tiền ổn định sản xuất kinh doanh.

4. Định kỳ, cập nhật, tính toán cân đối dòng tiền theo thực tế để có phương án xử lý kịp thời tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty trong các năm tiếp theo.

5. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Tập trung hoàn thành dứt điểm việc đền bù tái định canh, định cư để quyết toán phần còn lại dự án trong năm 2018. Ban Lãnh đạo Công ty cần có thêm các giải pháp hiệu quả hơn để làm việc với chính quyền địa phương và người dân để có thể hoàn thành dứt điểm công tác đền bù tái định canh, định cư để thực hiện quyết toán vốn đầu tư trong năm 2018.

6. Tiếp tục làm việc với điện lực Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để hoàn thành dứt điểm việc bàn giao đường dây 35kV.

7. Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật các quy chế quy định, quy chuẩn hóa các quy trình theo các quy định hiện hành để quản trị, lưu ý xây dựng và ban hành Quy chế quản trị Công ty.

8. Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật kinh doanh để thích ứng với quy mô và mô hình công ty đại chúng, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên nghiệp trong việc cung cấp thông tin.

9. Lưu ý phối hợp với địa phương để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho nhà máy.

10. Đối với kế hoạch 2018: Đề nghị Ban Lãnh đạo Công ty cần xem xét tăng các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng điện và lợi nhuận 2018, đảm bảo có sự tăng trưởng và cải thiện về hiệu quả sản xuất kinh doanh so với thực hiện năm 2017.

Trên cơ sở kết quả công tác của Ban Kiểm soát trong năm 2017, Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông báo cáo kiểm soát 2017 như trên và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị Cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị Cổ đông và sự hợp tác của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty giúp Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng ./.

Nơi gửi :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



**Lê Hải Long
THÀNH VIÊN BKS**

Ông: Bùi Huy Thành



Ông: Văn Tuấn Thạch



Ông Vũ Thành Trung



Ông Phạm Mạnh Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017



Tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7, Quang Trung, p. Quang Trung, tp Vinh, tỉnh Nghệ An

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Võ Trung Chính

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7, Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *hi*



Trần Bảo Ngọc

Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/02/2018, từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

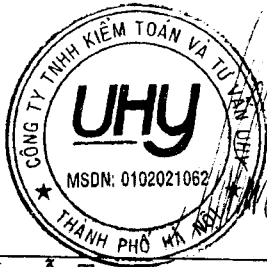
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017 Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 306,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016 khoảng 198,7 tỷ VND). Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này đã được trình bày tại Thuyết minh số 2. Theo đó, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 VND theo hướng dẫn tại công văn số 10084/BTC-CDKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.863.018.842	196.987.472.917
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	190.207.431.637	119.698.140.125
Tiền	111		69.432.883.327	63.661.473.458
Các khoản tương đương tiền	112		120.774.548.310	56.036.666.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	5.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.644.005.882	63.672.638.287
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	50.141.385.097	51.891.266.519
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.759.297.128	7.712.944.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.064.127.657	4.068.427.036
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.320.804.000)	-
Hàng tồn kho	140	9	3.011.581.323	-
Hàng tồn kho	141		3.011.581.323	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	3.616.694.505
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	3.616.694.505
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.615.158.811.863	4.775.477.532.510
Tài sản cố định	220		4.485.866.214.190	4.665.044.859.155
Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.485.866.214.190	4.665.044.859.155
- Nguyên giá	222		5.754.040.117.609	5.662.002.254.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.268.173.903.419)	(996.957.394.887)
Tài sản dở dang dài hạn	240		119.578.756.653	104.133.756.288
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	119.578.756.653	104.133.756.288
Tài sản dài hạn khác	260		9.713.841.020	6.298.917.067
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.296.889.333	2.186.184.877
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	8.416.951.687	4.112.732.190
TỔNG TÀI SẢN	270		4.869.021.830.705	4.972.465.005.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.623.414.008.139	2.736.309.189.712
Nợ ngắn hạn	310		559.759.077.408	395.732.312.942
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	129.485.440.210	152.297.708.234
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.052.700.398	7.443.340.553
Phải trả người lao động	314		7.958.450.346	2.890.958.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.324.370.363	19.867.307.269
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.531.013.847	11.391.558.943
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	388.383.720.826	201.751.058.395
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.381.418	90.381.418
Nợ dài hạn	330		2.063.654.930.731	2.340.576.876.770
Phải trả dài hạn khác	337	17	306.580.000	258.024.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.063.348.350.731	2.340.318.852.170
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.245.607.822.566	2.236.155.815.715
Vốn chủ sở hữu	410	20	2.245.607.822.566	2.236.155.815.715
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
(Lỗi) lũy kế	421		(81.762.763.055)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(91.214.769.906)	(39.346.313.935)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.452.006.851	(51.868.455.971)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.869.021.830.705	4.972.465.005.427



Trần Bảo Ngọc
 Giám đốc
 Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	650.526.661.452	519.245.699.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		650.526.661.452	519.245.699.230
Giá vốn hàng bán	11	22	388.136.611.621	308.261.698.907
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		262.390.049.831	210.984.000.323
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.072.956.372	1.149.768.134
Chi phí tài chính	22	25	232.566.779.120	246.488.594.382
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		232.566.779.120	246.488.594.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.077.172.232	18.315.293.162
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.819.054.851	(52.670.119.087)
Thu nhập khác	31		2.952.000	2.326.920.422
Chi phí khác	32		370.000.000	724.066.141
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(367.048.000)	1.602.854.281
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.452.006.851	(51.067.264.806)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	801.191.165
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	27	9.452.006.851	(51.868.455.971)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	42	(230)



Trần Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018


Võ Trung Chính
Kế toán trưởng


Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.452.006.851	(51.067.264.806)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.216.508.532	265.284.647.342
Các khoản dự phòng	03	2.320.804.000	-
Lãi hoạt động đầu tư	05	(3.072.956.372)	(1.149.768.134)
Chi phí lãi vay	06	232.566.779.120	246.488.594.382
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	512.483.142.131	459.556.208.784
Giảm các khoản phải thu	09	4.843.873.314	361.546.153.986
Tăng hàng tồn kho	10	(3.011.581.323)	-
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.766.983.291)	105.387.233.803
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	4.505.990.049	(7.430.951.538)
Tiền lãi vay đã trả	14	(227.815.942.047)	(240.983.641.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(148.439.655)	(652.751.510)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	163.657.299	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(182.101.899)	(110.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	289.071.614.578	677.312.252.359
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(135.301.932.753)	(495.277.776.639)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.077.448.695	1.380.037.417
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(128.224.484.058)	(503.897.739.222)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	140.839.472.550	429.506.502.602
Tiền trả nợ gốc vay	34	(231.177.311.558)	(516.900.090.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.337.839.008)	(87.393.587.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	70.509.291.512	86.020.925.484
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	119.698.140.125	33.677.214.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	190.207.431.637	119.698.140.125



Trần Bảo Ngọc
 Giám đốc
 Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Hứa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 117 người (tại ngày 31/12/2016: 116 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hứa Na.

Chu trình sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.3 HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 306,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: 198,7 tỷ VND), trong đó Công ty có khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả là 388,34 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: khoảng 201,7 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa bao gồm những điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 05

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho mục đích khác; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.8. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Từ năm tài chính 2017, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hứa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Từ năm tài chính 2016 trở về trước, Công ty không ghi nhận phần phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước vào doanh thu cũng như giá vốn bán điện (năm 2017 thì ghi nhận vào doanh thu lẫn giá vốn). Phương pháp ghi nhận này không ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2016 trở về trước. Phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước năm 2016 là 53.256.885.591 đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần có thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho tới khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

3.10 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch, tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn các tài sản đặc thù của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với mức trích hàng năm là 10.738.672.489 đồng, theo chu kỳ 4 năm bắt đầu từ năm 2017 (năm thực hiện đại tu). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện bù trừ số dư dự phòng phải trả với chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh thực tế lũy kế tới 31/12/2017.

3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty chỉ phát sinh duy nhất một hoạt động kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trên cùng một khu vực địa lý (Nhà máy Thủy điện Hủa Na). Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	100.742.150	367.024.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.332.141.177	63.294.448.809
Các khoản tương đương tiền (*)	120.774.548.310	56.036.666.667
	<u>190.207.431.637</u>	<u>119.698.140.125</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2017 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An. Lãi suất áp dụng 5,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	50.141.385.097	51.863.361.834
Đối tượng khác	-	27.904.685
	<u>50.141.385.097</u>	<u>51.891.266.519</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Xây dựng 319 - Bộ Quốc phòng (*)	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	841.120.828	1.211.473.789
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	171.231.898	-
Các đối tượng khác	1.426.140.402	4.180.666.943
	4.759.297.128	7.712.944.732

(*) Công nợ được trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Lãi dự thu	389.723.367	-	132.097.333	-
- Giá trị Đường dây 220 KV bàn giao cho Công ty Truyền tải Điện 1	-	-	2.929.046.206	-
- Tạm ứng	584.424.155	-	773.453.331	-
- Hội đồng bồi thường và tái định cư Công trình Thủy điện Hòa Na	1.986.507.811	-	-	-
- Phải thu khác	103.472.324	-	233.830.166	-
	3.064.127.657	-	4.068.427.036	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.011.581.323	-	-	-
	3.011.581.323	-	-	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	3.616.694.505
- Chi phí bảo hiểm nhà máy	-	3.616.694.505
Dài hạn	1.296.889.333	2.186.184.877
- Thiết bị vật tư xuất dùng cho nhà máy	1.296.889.333	2.186.184.877
	1.296.889.333	5.802.879.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Công trình Thủy điện Hòa Na	112.822.055.419	112.822.055.419	104.133.756.288	104.133.756.288
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.756.701.234	6.756.701.234	-	-
	119.578.756.653	119.578.756.653	104.133.756.288	104.133.756.288

Tại ngày 31/12/2017, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công trình Thủy điện Hòa Na phản ánh chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư và chi phí khác chờ quyết toán.

Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định là chi phí sửa chữa lớn thực tế được tập hợp cho một chu kỳ sửa chữa trong vòng 4 năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là số sau khi bù trừ giữa chi phí thực tế lũy kế bù trừ khoản dự phòng đã thực hiện trích đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (Xem thêm tại Thuyết minh số 3.12). Công ty sẽ thực hiện quyết toán sau cuối mỗi chu kỳ và ghi nhận phần chênh lệch giữa chi phí sửa chữa thực tế phát sinh và chi phí đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm cuối chu kỳ.

12. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31/12/2017, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng thay thế cho Nhà máy Thủy điện Hòa Na, nhận bàn giao từ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	4.149.736.980.408	1.500.494.027.540	7.375.940.420	4.395.305.674	5.662.002.254.042
- Mua mới trong năm	-	1.093.420.600	-	-	1.093.420.600
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	70.116.512.169	20.827.930.798	-	-	90.944.442.967
31/12/2017	<u>4.219.853.492.577</u>	<u>1.522.415.378.938</u>	<u>7.375.940.420</u>	<u>4.395.305.674</u>	<u>5.754.040.117.609</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	(576.557.890.649)	(411.084.967.572)	(6.708.165.718)	(2.606.370.948)	(996.957.394.887)
- Khấu hao trong năm	(171.797.275.900)	(98.115.369.228)	(514.877.722)	(788.985.682)	(271.216.508.532)
31/12/2017	<u>(748.355.166.549)</u>	<u>(509.200.336.800)</u>	<u>(7.223.043.440)</u>	<u>(3.395.356.630)</u>	<u>(1.268.173.903.419)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	<u>3.573.179.089.759</u>	<u>1.089.409.059.968</u>	<u>667.774.702</u>	<u>1.788.934.726</u>	<u>4.665.044.859.155</u>
31/12/2017	<u>3.471.498.326.028</u>	<u>1.013.215.042.138</u>	<u>152.896.980</u>	<u>999.949.044</u>	<u>4.485.866.214.190</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 15.462.370.705 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	129.485.440.210	129.485.440.210	152.297.708.234	152.297.708.234
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na - Tổng Công ty Sông Đà	73.205.222.023	73.205.222.023	79.717.032.931	79.717.032.931
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I	5.311.234.892	5.311.234.892	12.311.234.892	12.311.234.892
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	32.300.822.607	32.300.822.607	38.131.385.328	38.131.385.328
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	4.088.834.164	4.088.834.164	2.275.592.594	2.275.592.594
- Các đối tượng khác	14.579.326.524	14.579.326.524	19.862.462.489	19.862.462.489
	129.485.440.210	129.485.440.210	152.297.708.234	152.297.708.234
Phải trả người bán là các bên liên quan	36.389.656.771	36.389.656.771	40.406.977.922	40.406.977.922
Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30	36.389.656.771	36.389.656.771	40.406.977.922	40.406.977.922

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.944.696.937	56.747.817.860	59.310.757.410	381.757.387
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.439.655	-	148.439.655	-
- Thuế thu nhập cá nhân	147.899.647	323.720.098	421.306.134	50.313.611
- Thuế tài nguyên	2.588.690.654	59.924.748.513	62.513.439.167	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.000	1.278.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí dịch vụ môi trường rừng	1.613.613.660	14.777.898.660	12.770.882.920	3.620.629.400
	7.443.340.553	131.778.463.131	135.169.103.286	4.052.700.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay dự trả	13.375.636.327	8.624.799.254
Chi phí phải trả bảo hiểm	879.620.745	4.340.033.372
Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	-	3.292.560.082
Chi phí phải trả các nhà thầu	4.411.042.291	3.093.736.564
Chi phí phải trả khác	658.071.000	516.177.997
	19.324.370.363	19.867.307.269

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	10.531.013.847	11.391.558.943
- Kinh phí công đoàn	13.568.153	53.137.386
- Đoàn phí công đoàn	10.622.692	40.515.133
- Bảo hiểm xã hội	31.718.535	44.045.778
- Bảo hiểm y tế	7.427.182	6.258.387
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.055.680	242.004
- Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng (*)	10.281.321.535	9.912.768.287
- Hội đồng bồi thường Công trình Thủy điện Hòa Na	-	1.169.509.889
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	185.300.070	165.082.079
Dài hạn	306.580.000	258.024.600
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	306.580.000	258.024.600
	10.837.593.847	11.649.583.543

(*) Tại ngày 31/12/2017, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 12/2017 nhưng chưa kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.475.333.218	6.475.333.218	36.229.417.249	45.179.220.045	15.425.136.014	15.425.136.014
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	6.475.333.218	6.475.333.218	36.229.417.249	45.179.220.045	15.425.136.014	15.425.136.014
Vay dài hạn đến hạn trả	381.908.387.608	381.908.387.608	381.580.556.740	185.998.091.513	186.325.922.381	186.325.922.381
- Xem thêm tại thuyết minh số 19	381.908.387.608	381.908.387.608	381.580.556.740	185.998.091.513	186.325.922.381	186.325.922.381
Cộng	388.383.720.826	388.383.720.826	417.809.973.989	231.177.311.558	201.751.058.395	201.751.058.395

(*) Ngày 28/8/2017 Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0040.HĐTD2-404.17 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh, hạn mức 50 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản chi phí và các khoản thuế, phí, tiền môi trường rừng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện. Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty từ kinh doanh điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579	-	308.079.364.000	1.472.339.106.579	1.472.339.106.579
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	197.751.118.976	197.751.118.976	-	35.952.000.000	233.703.118.976	233.703.118.976
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	293.852.929.176	293.852.929.176	-	12.533.752.740	306.386.681.916	306.386.681.916
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	407.484.560.000	407.484.560.000	104.610.055.301	25.015.440.000	327.889.944.699	327.889.944.699
Cộng	2.063.348.350.731	2.063.348.350.731	104.610.055.301	381.580.556.740	2.340.318.852.170	2.340.318.852.170

(1) Ngày 16/10/2008, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư số 382/HĐTĐĐT/NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19/10/2011, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư (cho vay bổ sung) số 68/2011/HĐTĐĐT-NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03/02/2015, Công ty đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01/01/2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này. Ngày 28/04/2017, Công ty ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07/2017/HĐTĐĐT,BS-NHPT-NAN, nội dung sửa đổi lịch trả nợ gốc, lãi suất của Hợp đồng số 382 và Hợp đồng số 68.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An

Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (2) Ngày 05/03/2012, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 12.08.005/HĐTĐ/HUANA với Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16/01/2013, Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm, lãi vay trả hàng tháng, lãi áp dụng tại ngày 31/12/2017 là 9,5%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (3) Ngày 18/8/2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Pvccombank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PvcomBank với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2023, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,25%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình, bất động sản khác và bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (4) Ngày 17/12/2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 (năm) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 4,2%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP An Bình (9,54%/năm tại ngày 31/12/2017), lãi trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án, cam kết trả nợ thay của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và số dư tài khoản/hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na và/hoặc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và/hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 21/01/2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na do Công ty là chủ đầu tư. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2017 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi trả sau) của 03 (ba) Ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 1,5%/năm trong năm thứ hai và 2,2%/năm từ năm thứ ba, lãi vay trả 6 tháng/lần (8,4%/năm tại ngày 31/12/2017). Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Chi tiết khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng của từng Ngân hàng như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	308.079.364.000	115.853.627.905
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	12.877.023.608	9.520.294.476
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	381.908.387.608	186.325.922.381

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ thực góp như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	84,14%
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.273.444	3,86%	87.200.273.444	3,86%
Ngân hàng TMCP Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	5,12%
Ngân hàng TMCP Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	4,65%
Các đối tượng khác	50.164.230.000	2,22%	50.164.230.000	2,22%
	2.256.592.103.444	100,00%	2.256.592.103.444	100,00%

20.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	225.659.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu phổ thông	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu phổ thông	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Vốn khác của	Quý đầu tư	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	chủ sở hữu (*)	phát triển		
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(39.346.313.935)	2.288.024.271.686
- Lỗ trong năm	-	-	-	(51.868.455.971)	(51.868.455.971)
31/12/2016	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
01/01/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.452.006.851	9.452.006.851
31/12/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(81.762.763.055)	2.245.607.822.566

(*) Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: “Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhân rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...”. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” của Bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 64.985.781.295 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và theo hướng dẫn bằng văn bản của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu phát điện lưới	650.526.661.452	519.245.699.230
	<u>650.526.661.452</u>	<u>519.245.699.230</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn sản xuất điện	388.136.611.621	308.261.698.907
	<u>388.136.611.621</u>	<u>308.261.698.907</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.065.218.761	9.728.800.994
Chi phí nhân công	28.297.669.292	24.724.326.489
Khấu hao tài sản cố định	271.216.508.532	265.284.647.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.701.785.063	18.525.554.685
Chi phí dự phòng công nợ	2.320.804.000	-
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng (*)	74.702.647.173	-
Chi phí bằng tiền khác	8.909.151.032	8.313.662.559
	<u>411.213.783.853</u>	<u>326.576.992.069</u>

Từ năm tài chính 2017, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước. Từ năm tài chính 2016 trở về trước, Công ty không ghi nhận phần phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước vào doanh thu cũng như giá vốn bán điện. Phương pháp ghi nhận này không ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2016 trở về trước. Phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước năm 2016 là 53.256.885.591 đồng.

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	3.072.956.372	1.149.768.134
	<u>3.072.956.372</u>	<u>1.149.768.134</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	232.566.779.120	246.488.594.382
	<u>232.566.779.120</u>	<u>246.488.594.382</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.518.293.212	10.655.178.267
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	639.090.859	360.735.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.336.109	1.183.987.270
Chi phí dự phòng	2.320.804.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.333.962	1.864.125.704
Chi phí bằng tiền khác	5.347.314.090	4.251.266.805
	23.077.172.232	18.315.293.162

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.452.006.851	(51.067.264.806)
Trong đó		
- Lãi (Lỗ) hoạt động kinh doanh chính	6.677.294.739	(53.418.712.170)
- Lợi nhuận từ hoạt động khác chịu thuế TNDN	2.774.712.112	2.351.447.364
Các khoản chi phí không được trừ	370.000.000	614.127.050
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	9.822.006.851	2.351.447.364
Chuyển lỗ năm trước	(9.822.006.851)	-
Thu nhập tính thuế trong năm	-	2.351.447.364
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế TNDN	-	470.289.473
Điều chỉnh thuế TNDN từ các năm trước	-	330.901.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	801.191.165

Trong năm 2017, Công ty thực hiện chuyển lỗ để tính thuế TNDN hiện hành trong năm. Chi tiết theo dõi tình hình chuyển lỗ:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang kỳ tính thuế sau	Đã chuyển lỗ đến 31/12/2017
2015	118.553.457.886	-	9.822.006.851	108.731.451.035	9.822.006.851
2016	50.453.137.756	-	-	50.453.137.756	-
	169.006.595.642			159.184.588.791	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.452.006.851	(51.868.455.971)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	225.659.210	225.659.210
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	42	(230)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	119.698.140.125
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.531.108.464	54.952.410.058
Cộng	245.738.540.101	184.650.550.183
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	2.451.732.071.557	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	129.792.020.210	152.555.732.834
Chi phí phải trả	19.324.370.363	19.867.307.269
Cộng	2.600.848.462.130	2.714.492.950.668
Trạng thái ròng	(2.355.109.922.029)	(2.529.842.400.485)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì và cơ cấu lại khoản vay một cách hợp lý, trong đó bao gồm cả việc đàm phán với các Ngân hàng cho vay để khoản vay được áp dụng lãi suất phù hợp nhất

Quản lý rủi ro về giá bán điện

Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán Điện (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Giá bán điện ra thị trường của Tập đoàn Điện lực Việt Nam có sự điều tiết của Nhà nước, do đó, giá điện đầu vào của Công ty Mua bán điện cũng chịu sự điều tiết này. Do vậy, Công ty sẽ phải chịu rủi ro từ việc thay đổi giá mua, bán điện.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu của Công ty đến từ duy nhất đối tượng Công ty Mua bán điện, đơn vị độc quyền mua bán điện từ các Nhà máy sản xuất điện, là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đảm bảo việc mua bán, phân phối điện lưới quốc gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	388.383.720.826	2.063.348.350.731	2.451.732.071.557
Phải trả người bán và phải trả khác	129.485.440.210	306.580.000	129.792.020.210
Chi phí phải trả	19.324.370.363	-	19.324.370.363
Cộng	537.193.531.399	2.063.654.930.731	2.600.848.462.130
01/01/2017			
Vay và nợ	201.751.058.395	2.340.318.852.170	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	152.297.708.234	258.024.600	152.555.732.834
Chi phí phải trả	19.867.307.269	-	19.867.307.269
Cộng	373.916.073.898	2.340.576.876.770	2.714.492.950.668
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	-	190.207.431.637
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.531.108.464	-	50.531.108.464
Cộng	245.738.540.101	-	245.738.540.101
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.698.140.125	-	119.698.140.125
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.952.410.058	-	54.952.410.058
Cộng	184.650.550.183	-	184.650.550.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản đang ở mức rất cao, tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng dòng tiền các năm sau sẽ khả quan hơn để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vay vốn	-	85.063.404.293
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	85.063.404.293
Trả vốn vay	9.177.023.608	9.177.023.608
- Ngân hàng TMCP Quân đội	9.177.023.608	9.177.023.608
Mua hàng	16.656.552.285	13.208.960.731
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.239.529.312	3.053.842.561
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4.417.022.973	10.155.118.170
Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc	3.253.440.000	2.794.261.757

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính	306.729.952.784	315.906.796.392
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	306.729.952.784	315.906.796.392
Phải trả người bán	36.389.656.771	40.406.977.922
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	32.300.822.607	38.131.385.328
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.088.834.164	2.275.592.594


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)


31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.




Trần Bảo Ngọc
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018


Võ Trung Chính
Kế toán trưởng


Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Số: 147/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 21/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-HHC-HĐQT ngày 01/6/2015 của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh (lần 3) - Công trình thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số Quyết 77/QĐ-HĐQT-HHC ngày 14/6/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư Công trình thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-HHC ngày 19/01/2018 của HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2018 (Phụ lục 01);
- Kế hoạch trả nợ năm 2018 (Phụ lục 02).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 01
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018

*Kèm theo Tờ trình số 147/TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na*

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	Chỉ tiêu Kết quả hoạt động SXKD			
I	Sản lượng điện	triệu Kwh	650,355	Kế hoạch SXKD 2018
II	Doanh thu 2018	tỷ đồng	660,459	Kế hoạch SXKD 2018
III	Chi phí sản xuất 2018	tỷ đồng	653,485	Kế hoạch SXKD 2018
1	Chi phí tiền lương và các khoản trích nộp theo lương	tỷ đồng	25,413	
2	Chi phí vật liệu	tỷ đồng	12,592	
3	Chi phí công cụ dụng cụ	tỷ đồng	2,670	
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	tỷ đồng	27,868	
5	Chi phí bằng tiền khác	tỷ đồng	17,103	
6	Chi phí khấu hao	tỷ đồng	270,787	
7	Chi phí lãi vay	tỷ đồng	223,917	
8	Phí tài nguyên; thuế môi trường rừng; phí quyền khai thác nước mặt	tỷ đồng	73,135	
IV	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6,974	Kế hoạch SXKD 2018
B	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018			
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	tỷ đồng	50,000	Kế hoạch SXKD 2018
II	Nguồn vốn đầu tư	tỷ đồng	50,000	
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	50,000	
C	Dòng tiền			
I	Số dư tiền 2017 chuyển sang	tỷ đồng	195,207	
II	Dòng tiền thu	tỷ đồng	748,769	
1	Tiền thu bán điện	tỷ đồng	728,056	Doanh thu bán điện thực tế từ T12/2017 đến T11/2018
2	Vay ngắn hạn	tỷ đồng	20,713	Dự kiến vay ngắn hạn vào tháng 4,5,6
III	Dòng tiền chi	tỷ đồng	891,899	
1	Chi phí O&M (Lương và chi phí QLVH)	tỷ đồng	85,646	KH SXKD
2	Chi phí trả lãi vay	tỷ đồng	208,702	KH trả nợ theo dòng tiền
3	Chi phí trả nợ gốc vay	tỷ đồng	409,107	KH trả nợ theo dòng tiền
4	Chi nộp NSNN	tỷ đồng	138,443	KHSXKD
5	Chi cho Dự án Đầu tư	tỷ đồng	50,000	KHSXKD
IV	Cân đối dòng tiền	tỷ đồng	52,078	

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY NĂM 2018

Kèm theo Tờ trình số 147/TT-~~HHC~~-HDQT ngày 14/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

TT	Nội dung	Số giải ngân	Lãi suất	Gốc đã trả đến 31/12/2017	Dư nợ 31/12/2017	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	Số ngày trong tháng					31	28	31	30	31	30	31	31	30	31	30	31	365
1	HĐTD số 382/2008/HĐTĐD T-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000		783.666.341.343	1.456.333.658.657	10.838.008.314	23.783.720.877	30.722.320.016	30.216.438.726	30.391.653.350	29.896.438.726	30.060.986.683	44.895.653.350	44.296.438.726	49.316.986.683	48.696.438.726	36.735.017.350	409.850.101.526
	Trả lãi					10.838.008.314	9.789.168.799	10.722.320.016	10.216.438.726	10.391.653.350	9.896.438.726	10.060.986.683	9.895.653.350	9.296.438.726	9.316.986.683	8.696.438.726	8.655.653.350	117.776.185.448
	Trả gốc					0	13.994.552.078	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	28.079.364.000	292.073.916.078
	- Số vay lãi suất 7,5%/năm	9.470.000.000	7,5%	9.470.000.000	0													
	- Số vay lãi suất 6,9%/năm	1.000.159.000.000	6,9%	586.631.771.189	413.527.228.811													
	- Số vay lãi suất 14,4%/năm	509.327.174.086	9,6%	87.578.302.735	421.748.871.351													
	- Số vay lãi suất 12,0%/năm	382.406.185.190	9,6%	26.306.183.497	356.100.001.693													
	- Số vay lãi suất 11,4%/năm	67.316.447.922	11,4%	67.316.447.922	0													
	- Số vay lãi suất 10,8%/năm	6.363.636.000	10,8%	6.363.636.000	0													
	- Số vay lãi suất 8,55%/năm	264.957.556.802	8,55%	0	264.957.556.802													
2	HĐTD số 68/2011/HĐTĐD T-NHPT ngày 19/10/2011	411.000.000.000		394.994.552.078	16.005.447.922	15.151.607.159	1.014.050.088	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.165.657.247
	Trả lãi					151.607.159	8.602.166	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160.209.325
	Trả gốc					15.000.000.000	1.005.447.922											16.005.447.922
	- Số vay lãi suất 15,0%/năm	411.000.000.000	11,0%	394.994.552.078	16.005.447.922													
3	HĐTD số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784.000.000		22.054.047.216	306.729.952.784	3.129.923.560	7.349.527.731	4.999.787.020	2.965.377.980	3.064.223.912	3.003.219.213	3.103.326.520	7.625.826.520	4.874.571.329	3.037.626.872	2.901.797.676	3.037.626.872	49.092.835.206
	Trả lãi					3.129.923.560	2.827.027.731	3.083.775.216	2.965.377.980	3.064.223.912	3.003.219.213	3.103.326.520	3.103.326.520	2.958.559.525	3.037.626.872	2.901.797.676	3.037.626.872	36.215.811.598
	Trả gốc					0	4.522.500.000	1.916.011.804	0	0	0	0	4.522.500.000	1.916.011.804	0	0	0	12.877.023.608
	Số giải ngân	328.784.000.000	11,9%	22.054.047.216	306.729.952.784													
4	HĐTD số 12.08.005/HĐTĐD HUANNA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.535.118.976		125.832.000.000	233.703.118.976	2.314.310.053	2.090.344.564	11.302.310.053	2.153.519.890	2.225.303.887	11.141.519.890	2.136.297.720	2.136.297.720	11.055.384.890	2.047.291.553	1.981.249.890	11.035.291.553	61.619.121.664
	Trả lãi					2.314.310.053	2.090.344.564	2.314.310.053	2.153.519.890	2.225.303.887	2.153.519.890	2.136.297.720	2.136.297.720	2.067.384.890	2.047.291.553	1.981.249.890	2.047.291.553	25.667.121.664
	Trả gốc				0	0	0	8.988.000.000	0	0	8.988.000.000	0	0	8.988.000.000	0	0	8.988.000.000	35.952.000.000
	Số giải ngân	359.535.118.976	11,5%	125.832.000.000	233.703.118.976													

TT	Nội dung	Số giải ngân	Lãi suất	Gốc đã trả đến 31/12/2017	Dư nợ 31/12/2017	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
5	HĐTD số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000.000.000		60.000.000.000	140.000.000.000	0	0	0	0	0	18.108.800.000	0	0	0	0	0	17.654.400.000	35.763.200.000
	Trả lãi					0	0	0	0	0	8.108.800.000	0	0	0	0	0	7.654.400.000	15.763.200.000
	Trả gốc					0	0	0	0	0	10.000.000.000	0	0	0	0	0	10.000.000.000	20.000.000.000
	Số giải ngân	200.000.000.000	11,5%	60.000.000.000	140.000.000.000													
6	HĐ tín dụng số 182/16/TĐ-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000		7.515.440.000	292.484.560.000	15.655.305.543	0	0	0	0	0	15.942.556.484	0	0	0	0	0	31.597.862.027
	Trả lãi					13.155.305.543	0	0	0	0	0	13.442.556.484	0	0	0	0	0	26.597.862.027
	Trả gốc					2.500.000.000	0	0	0	0	0	2.500.000.000	0	0	0	0	0	5.000.000.000
	Số giải ngân	300.000.000.000	8,8%	7.515.440.000	292.484.560.000													
7	HĐTD vay ngắn hạn với VJB số 0067.HĐTD1-404.15 ngày 04/8/2015	30.000.000.000		0	0	98.595.304	3.132.395.729	185.230.085	6.301.758.910	173.666.671	8.715.538.587	11.644.976.879	7.193.391.480	112.198.104	4.172.521.911	7.569.888.107	9.228.616.138	58.528.777.905
	Trả lãi					98.595.304	146.817.049	185.230.085	179.254.921	173.666.671	208.579.362	219.283.769	155.331.626	112.198.104	115.938.041	90.224.941	51.367.102	1.736.486.975
	Trả gốc					0	2.985.578.680	0	6.122.503.989	0	8.506.959.225	11.425.693.110	7.038.059.854	0	4.056.583.870	7.479.663.166	9.177.249.056	56.792.290.930
	Số giải ngân	50.000.000.000	6,5%	0	0													
	Tổng cộng	3.539.319.118.976		1.394.062.380.637	2.445.256.738.339	47.187.749.933	37.370.038.990	47.209.647.175	41.637.095.505	35.854.847.820	70.865.516.416	62.888.144.286	61.851.169.069	60.338.593.049	58.574.427.019	61.149.374.398	77.690.951.914	662.617.555.574
	Trả nợ lãi:					29.687.749.933	14.861.960.310	16.305.635.371	15.514.591.516	15.854.847.820	23.370.557.191	28.962.451.176	15.290.609.215	14.434.581.245	14.517.843.149	13.669.711.232	21.446.338.878	223.916.877.000
	Trả nợ gốc:					17.500.000.000	22.508.078.680	30.904.011.804	26.122.503.989	20.000.000.000	47.494.959.225	33.925.693.110	46.560.559.854	45.904.011.804	44.056.583.870	47.479.663.166	56.244.613.036	438.700.678.538

Ghi chú: Số liệu tính toán trên cơ sở: - Lịch trả nợ của các ngân hàng

- Lãi suất các Ngân hàng thương mại tăng 1% so với năm 2017; riêng lãi vay ngắn hạn bằng lãi vay năm 2017

- Số liệu trả nợ gốc vay ngắn hạn dựa trên tình hình Sản xuất kinh doanh năm 2018

Số: 148 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2017 và dự toán năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 21/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-HHC ngày 19/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và dự toán năm 2018 như sau:

1. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017.

ĐVT: đồng

TT	Chức vụ	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Ghi chú
I	Thù lao	156.000.000	156.000.000	
1	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000	
2	Trưởng Ban KS	24.000.000	24.000.000	
3	Ủy viên Ban KS	72.000.000	72.000.000	
II	Chi phí hoạt động	180.000.000	155.710.182	
	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	180.000.000	155.710.182	
	Cộng	336.000.000	311.710.182	

2. Phương án chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018.

ĐVT: đồng

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
A	Từ 01/01-30/04/2018				
I	Thù lao				68.000.000
1	Thành viên HĐQT	3.000.000	4	2	24.000.000
2	Trưởng Ban KS	3.000.000	4	1	12.000.000
3	Ủy viên Ban KS	2.000.000	4	4	32.000.000
II	Chi phí hoạt động				60.000.000
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	2.500.000	4	6	60.000.000
B	Từ 01/05-31/12/2018				
I	Thù lao				80.000.000
1	Thành viên HĐQT	3.000.000	8	2	48.000.000
2	Ủy viên Ban KS	2.000.000	8	2	32.000.000
II	Chi phí hoạt động				120.000.000
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	2.500.000	8	6	120.000.000
	Tổng cộng				328.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Trên cơ sở xem xét năng lực, chất lượng báo cáo kiểm toán của các đơn vị đã thực hiện cho Công ty từ năm 2008 đến 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 như sau:

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

Số: 150 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na năm 2017 là: **9.452.006.851 đồng**. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 như sau:

1. Trích Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý và Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động năm 2017 là: **1.990.604.168 đồng**. Cụ thể:

ĐVT: đồng

Nội dung	Quỹ lương thực hiện năm 2017	Quỹ lương bình quân 1 tháng	Mức trích	Giá trị trích Quỹ
Quỹ Khen thưởng Viên chức Quản lý	3.094.800.000	257.900.000	1,5 tháng lương BQ thực hiện	386.850.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động	19.245.050.020	1.603.754.168	1 tháng lương BQ thực hiện	1.603.754.168
Tổng cộng				1.990.604.168

2. Lợi nhuận sau thuế giữ lại chưa phân phối (không trích lập các quỹ, không chia cổ tức) là: **7.461.402.683 đồng**.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

Số: 151 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Để Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na phù hợp với Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na sửa đổi lần thứ 09. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại *Phụ lục* đính kèm Tờ trình này.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 09 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

(Đính kèm Tờ trình số 151 /TTr-HHC-HĐQT ngày 14/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017 là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017 là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1.a. Địa bàn kinh doanh: lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;	<i>Bỏ</i>	
1.b. " <u>Vốn điều lệ</u> " là <u>vốn do tất cả các cổ đông đóng góp</u> và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.	1.a. " Vốn điều lệ " là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	Theo khoản 29, Điều 4 Luật DN 2014 để thống nhất với định nghĩa về vốn điều lệ
1.e. Pháp luật: tất cả văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008;	<i>Bỏ</i>	Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
1.f. Cán bộ quản lý: Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm các cán bộ quản lý của Công ty;	<i>Bỏ</i>	Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

	<i>1.e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</i>	Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
<i>1.g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</i>	<i>1.f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</i>	
	<i>1.g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9, Điều 6 Luật chứng khoán.</i>	Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
	<i>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</i>	Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
1.h. Cổ đông: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.	Bỏ	
1.i. Cổ đông sáng lập: là Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.	Bỏ	
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	Bỏ	Không phù hợp
II. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	II. TÊN HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty	

<p>2. Trụ sở chính của Công ty: Địa chỉ: Tầng 9 - Tòa nhà Dầu khí, số 7, Quang Trung, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ Nhà máy: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 0383.588 766 Fax : 0383.588 767</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 - Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An - Điện thoại: (0238)3 588766 - Fax: (0238)3 588767 - Website: http://huana.com.vn</p>	<p>Cập nhật thông tin của công ty</p>
<p>3. Chi nhánh Công ty (các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty, gọi tắt là đơn vị).</p>	<p><i>Bỏ</i></p>	
<p>4. Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><i>Bỏ</i></p>	
<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 và 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và sẽ bắt đầu từ ngày thành lập.</p>	<p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu Điều luật</p>
	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty; b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và</p>	<p>Bổ sung Theo quy định tại Điều 3 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

	<p><i>sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p><i>c. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p>	
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	
<p><i>1. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.</i></p>	<p><i>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 5 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017</p>
<p><i>2. Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định việc thay đổi các ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p><i>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Luật DN 2014 – Quyền của doanh nghiệp</p>
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông Công ty	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
<p><i>1. Tại thời điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.</i></p>	<p><i>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 6 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017</p>

<p>3. Tiến độ vốn góp: Việc góp vốn được thực hiện theo tiến độ phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, phù hợp quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bỏ</p>	
<p>4. Công ty có thể <u>tăng, giảm</u> vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Công ty có thể <i>thay đổi</i> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	
<p><u>6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được lưu trữ tại Sổ cổ đông của Công ty và mặc nhiên được điều chỉnh theo Sổ cổ đông Công ty chốt vào từng thời điểm.</u></p>	<p><i>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 cổ đông sáng lập đính kèm. Phụ lục 01 này là một phần của Điều lệ này.</i></p>	
<p><u>7. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được Cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bán các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.</u></p>	<p><i>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</i></p>	<p>Phù hợp với khoản 6, Điều 6 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017 Không còn “Trung tâm Giao dịch chứng khoán”</p>

<p>9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông <u>nhất trí</u> thông qua <u>bằng văn bản</u> và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Phù hợp quy định tại khoản 8, Điều 5, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p>	
<p><u>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu ghi tên. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</u></p> <p><u>2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.</u></p> <p><u>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</u></p> <p><u>a. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>i) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;</u></p> <p><u>ii) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>	<p><u>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</u></p> <p><u>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 20 ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</u></p> <p><u>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 120 Luật DN 2014 – Cổ phiếu</p>

<p><u>iii) Đối với cổ phiếu có giá trị trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.</u></p> <p><u>b. Cổ đông đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc in ấn.</u></p> <p><u>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần theo Quy chế của Công ty, người sở hữu số cổ phần nhận chuyển nhượng sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu.</u></p>		
<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p>	
<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự</u>), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Công ty, <u>trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</u></p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 8 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 8. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p>	
<p><u>1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.</u></p>	<p><u>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p><u>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không</u></p>	<p>Theo quy định tại Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

2. Công ty xác nhận việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông theo Quy chế về chuyển nhượng cổ phần do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần phải thực hiện bằng văn bản được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện hợp pháp của các bên. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

5. Thừa kế cổ phần: Trường hợp một Cổ đông là cá nhân bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) có quyền hưởng hoặc hưởng lợi ích đối với cổ phần mà họ được thừa kế.

a. Người thừa kế đã là Cổ đông của Công ty chỉ được công nhận sở hữu hợp pháp số cổ phần tăng thêm sau khi đã đăng ký bổ sung vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty số cổ phần tăng thêm đó.

b. Người thừa kế chưa là Cổ đông của Công ty: chỉ trở thành Cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất việc đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo đúng quy định tại Điều lệ này và Quy chế của Công ty.

được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần.	Điều 10. Thu hồi cổ phần	
<u>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo quy định tại khoản 1 Điều này không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành cổ phần chưa chào bán của Công ty.</u>	3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.	Sửa theo quy định tại Điều 10, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
<u>4. Cổ phần bị thu hồi do Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán với giá không thấp hơn giá chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u>	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa theo quy định tại Điều 111 Luật DN 2014 – Chuyển nhượng cổ phần
<u>5. Tổ chức, cá nhân có cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ quyền sở hữu đối với những cổ phần đó. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế đối với tổ chức/cá nhân có cổ phần bị thu hồi và yêu cầu thanh toán các khoản chi phí phát sinh theo quy định của Công ty.</u>	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 9 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa theo quy định tại Điều 10, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, <u>QUẢN LÝ</u> VÀ KIỂM SOÁT	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	Sửa theo quy định tại Chương V Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
2.a. <u>Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực</u>	2.a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp	Sửa theo quy định tại Điều 12, Điều lệ mẫu

<u>hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;</u>	Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa	– Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
2.b. Nhận cổ tức	2.b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 114 Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông
2.e. <u>Kiểm tra</u> các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	2.e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 114 Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông
	f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Thêm theo quy định tại Điều 12, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
2.g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn vào công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán <u>cho chủ nợ</u> và các <u>cổ đông loại khác</u> theo quy định của pháp luật	2.h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản , được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ cổ phần loại khác theo quy định của pháp luật	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 114 Luật DN 2014 – Quyền của cổ đông phổ thông
<u>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 8% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</u>	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	Sửa theo quy định tại Điều 12, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	Thêm theo quy định tại Điều 13, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

	<p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính năm của Công ty.</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Thêm theo quy định tại Điều 14, Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	

<p><u>3.e. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 8% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.</u></p> <p><u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;</u></p>	<p>3.d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm;</p> <p><u>b. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</u></p> <p><u>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;</u></p> <p><u>d. Báo cáo của các kiểm toán viên độc lập;</u></p> <p><u>e. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p><u>ty;</u></p> <p><u>f. Định hướng phát triển của Công ty;</u></p> <p><u>g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>h. Các vấn đề, nội dung khác được đưa vào Chương trình Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua họp lệ, họp pháp.</u></p>		
<p>2.g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty <u>trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán;</u></p>	<p>2.g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
	<p>2.h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p>	<p>Thêm vào quy định tại Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>2.l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc <u>lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p>	<p>2.l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị <u>từ 35% trở lên</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p>	
<p>2.n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Bỏ</i></p>	<p>Theo quy định tại khoản 2 – Điều 152 Luật DN 2014</p>
<p>3.b. Việc mua, bán cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người có liên quan nào của Cổ đông đó</p>	<p>3.b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p><u>1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p><u>a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;</u></p> <p><u>c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p><u>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u></p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p><u>2. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Cổ đông sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền 01 (một) người tham dự họp, Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho 02 (hai) người tham dự họp, Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho 05 (năm) người tham dự họp, Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ủy quyền tối đa cho 06 (sáu) người tham dự họp Đại hội cổ đông.</u></p>	<p>Bỏ</p>	
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p>	

<p><u>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của các Cổ đông sở hữu ít nhất 65% số phiếu quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành loại đó.</u></p> <p><u>2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền) và sở hữu tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những Cổ đông sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những Cổ đông sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</u></p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

<p>2.a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông <u>đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của công ty.</u></p>	<p>2.a. Chuẩn bị danh sách cổ đông <u>đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Nghị định 71/2017</p>
<p>Không có</p>	<p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>Thêm theo quy định tại khoản 7, Điều 136 – Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Luật DN 2014</p>
<p><u>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên Website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công</u></p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông,</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p><u>ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.</u></p> <p><u>Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)–.</u></p> <p><u>Trường hợp Công ty có Website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.</u></p>	<p>thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền <u>đề xuất</u> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất <u>năm ngày</u> làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 15.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2, Điều 138 Luật DN 2014 – Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

5.a. <u>Đề xuất</u> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	5.a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung	Theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
5.b. Vào thời điểm <u>đề xuất</u> , Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ <u>ít nhất 8% cổ phần phổ thông</u> trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng;	5. b. Vào thời điểm kiến nghị , cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	Theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
<u>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</u>	Bỏ	
<u>7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</u>	Bỏ	
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
<u>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.</u>	Bỏ	
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	
1. <u>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</u> , Công ty phải <u>thực hiện</u> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp , Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ <u>ứng hộ</u> nghị quyết được thu trước, số thẻ <u>phản đối</u> nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay <u>phản đối</u> để quyết định. Tổng số phiếu <u>ứng hộ</u>, <u>phản đối</u> từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. <u>Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người</u></p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ <u>tán thành</u> nghị quyết được thu trước, số thẻ <u>không tán thành</u> nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay <u>không tán thành; không tán thành; không có ý kiến hoặc không hợp lệ</u>, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ <u>bầu một hoặc nhiều người</u> trong số đại biểu vào <u>ban</u> kiểm phiếu <u>theo đề nghị của chủ tọa. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</u></p>	<p>Theo quy định tại khoản 5, Điều Điều 142 Luật DN 2014 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3. <u>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết <u>ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký</u> và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị <u>ảnh hưởng</u>.</p>	<p>3. Cổ đông <u>hoặc người đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết <u>ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký</u> và hiệu lực của các <u>nội dung</u> biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không <u>bị thay đổi</u>.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 6, Điều Điều 142 Luật DN 2014 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>4 <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại</u></p>	<p>4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ</u></p>	<p>Theo quy định tại khoản 2, Điều Điều 142 Luật DN 2014 – Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p><u>bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.</u></p>	<p>tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p><u>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</u></p>	<p>Bỏ</p>	
<p><u>8. Chủ tọa hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông dự họp.</u></p>	<p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p><u>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c)</u></p>	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 8, Điều Điều 142 Luật DN 2014 – Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>

<p><u>sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</u></p>		
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>c. <u>Bầu</u>, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.</p>	<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p>	
<p><u>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của Cổ đông dự họp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền:</u></p> <p><u>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</u></p> <p><u>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p><u>c. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p><u>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p><u>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; f. Tổ chức</u></p>	<p><u>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p>	<p>Theo quy định tại Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<i>lai, giải thể Công ty.</i>		
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Theo quy định tại Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định</u> . <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông:</u>	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết . Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
3.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty</u>	3.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Thống nhất với định nghĩa của Luật DN 2014

<p>3.c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc</u> đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>3.c.Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực các nhân hợp pháp khác đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 145 Luật DN 2014 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 4, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> <u>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</u></p>	<p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

	<i>trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i>	
5.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <i>kinh doanh</i> nơi đăng ký kinh doanh	6.a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp</i> ;	Thống nhất định nghĩa với Luật DN 2014
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i>	Theo quy định tại Khoản 7, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
Không có	<p>4. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p>5. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i></p>	Thêm theo Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Tách thành 2 Điều theo Điều lệ mẫu

<p>2. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm.</p>	<p>Điều 26.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Theo Điều 26 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p><u>6. Các Cổ đông nắm giữ từ 8% số cổ phần trở xuống trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền biểu quyết, có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ trên 8% đến 10% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền biểu quyết, được đề cử 01 (một) thành viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ trên 50% đến 65% được đề cử 4 (bốn) thành viên và nếu trên 65% được đề cử đủ số ứng viên.</u></p>	<p>Điều 25.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Thêm theo Điều 25 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Tách thành 2 Điều theo điều lệ mẫu</p>
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các <u>Quy chế nội bộ của Công ty</u> và <u>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng</u></p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều</p>	<p>Theo Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p><u>quản trị và các thành viên sau khi Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết về phương án nhân sự của Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và cán bộ quản lý khác hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty; quyết định mức lương và các chế độ khác của Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</u></p>	<p>hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	
<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p><u>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></p> <p><u>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</u></p>	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 0,5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p>	<p>Theo Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p><u>1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trong trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy không cần thiết thì không bầu chức danh Phó Chủ tịch.</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p>	<p>Theo Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p><i>4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</i></p>	<p><i>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</i></p>	<p>Theo Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	
	<p><i>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty</i></p>	<p>Thêm Theo quy định tại Điều 31 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p>	
	<p><i>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 32 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về

	<p><i>hoạt động công bố thông tin của công ty.</i></p> <p><i>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p>	
VIII. GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .	
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	
<p><i>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>Công ty có một Giám đốc, một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị phê duyệt. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</i></p>	<p><i>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 33 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
Điều 30. Bổ nhiệm Giám đốc, quyền và nhiệm vụ của Giám đốc.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	
<p><i>5. Miễn nhiệm: Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Chết, mất trí, mất quyền công dân;</i></p> <p><i>b. Vi phạm điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>c. Có đơn xin từ chức;</i></p> <p><i>d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</i></p>	Bỏ	

<p>6. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này khi có ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>7. Giám đốc thực hiện kê khai các lợi ích và thông tin liên quan theo quy định tại các Điều 159 và Điều 160 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bỏ</p>	
<p>Điều 31. Thư ký công ty</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Theo Điều lệ mẫu</p>
<p>X. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	
	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Thêm quy định tại Điều 36 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p>	

<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. <u>Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là năm (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	
	<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 164 Luật DN 2014 – Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p>
	<p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2, Điều 163 Luật DN 2014 – Ban kiểm soát</p>
<p><u>2. Các Cổ đông nắm giữ ít hơn 8% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có</u></p>	<p>Thuộc điều Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	<p>Quy định chặt chẽ hơn</p>

<p><u>quyền biểu quyết, có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 8% đến 10% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền biểu quyết và được đề cử 01 (một) thành viên; trên 10% đến 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; trên 30% đến 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; trên 50 đến 65% được đề cử 4 (bốn) thành viên và nếu trên 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</u></p>		
<p><u>4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</u></p> <p><u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p><u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p> <p><u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>Thêm quy định tại Điều 36 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Không có</p>	<p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được</p>	<p>Thêm theo quy định tại Điều 36 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

	<p><i>phân công;</i></p> <p><i>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p>	
Điều 36. Ban kiểm soát	Điều 38. Ban kiểm soát	
	<p><i>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p>	<p>Theo quy định tại khoản 8, Điều 165 Luật DN 2014 – Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>
<p>3. <u>Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị</u>, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. <u>Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người</u></p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>Thêm quy định tại Điều 38 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
IX. NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 32. Trách nhiệm <u>cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý.</u>	Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	

<p><u>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thân trong nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u></p>	<p><i>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 39 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	
	<p><i>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</i></p>	<p>Thêm khoản này theo quy định tại Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p><u>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u></p>	<p><i>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

4. Theo Điều 162 của Luật doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 15% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông

Theo quy định tại Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

<p><u>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</u></p>	<p><i>của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p>	
<p>Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	
<p><u>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật</u></p>	<p><i>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</i></p> <p><i>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 41 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

<p><i>pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mãn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</i></p>	<p><i>kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mãn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</i></p> <p><i>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</i></p>	
	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 41 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	
<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký <i>kinh doanh</i>, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và <i>bất cứ giấy tờ nào khác</i> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm</p>	<p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký <i>doanh nghiệp</i>, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và <i>các tài liệu khác</i> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <i>tài liệu</i> này.</p>	<p>Thông nhất định nghĩa với Luật DN 2014</p>

lưu trữ các <u>giấy tờ</u> này.		
<u>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có Website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên Website đó.</u>	4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Theo quy định tại Điều 42 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
XII. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC	XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	
<u>1. Tổ chức Đảng Công sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Công sản Việt Nam.</u> <u>2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.</u> <u>3. Giám đốc tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, phúc lợi, kỷ luật ... đối với người lao động, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa Công ty với các tổ chức đoàn thể.</u>	1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Theo quy định tại Điều 43 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 39. Trích lập quỹ. Điều 40. Cổ tức.	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	Gộp 2 Điều theo Điều lệ mẫu
	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.	Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

	<p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	

Điều 44. <u>Hệ thống</u> kế toán	Điều 47. <u>Chế độ</u> kế toán	Theo quy định tại Điều 47 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
1. <u>Hệ thống</u> kế toán Công ty sử dụng là <u>hệ thống</u> kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	Theo quy định tại Điều 47 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
2. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Theo quy định tại Điều 47 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
3. Các sổ sách kế toán của Công ty được lập bằng tiếng Việt và/hoặc có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của Pháp luật.	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định về pháp luật kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Theo quy định tại Điều 47 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 44. Báo cáo tài chính.	Điều 48. Báo cáo tài chính <u>năm, sáu tháng và quý</u>	Theo quy định tại Điều 48; 49 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
Điều 45. Công bố thông tin.	Điều 49. Báo cáo thường niên	
<u>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.</u>	Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Theo quy định tại Điều 49 Điều lệ mẫu - Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 47. Kiểm toán	Điều 50. Kiểm toán	
<u>1. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</u>	<u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u>	Theo quy định tại Điều 50 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
<u>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u>	Bỏ	
<u>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</u>	<u>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</u>	Theo quy định tại Điều 50 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.		
Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một	Bỏ	

<p>số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.</p>		
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.	Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
<p><i>2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải hoặc quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền.</i></p>	<p><i>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</i></p>	<p>Theo quy định tại Điều 58 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 54. Ngày hiệu lực	Điều 57. Ngày hiệu lực	
	<p><i>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</i></p> <p><i>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</i></p> <p><i>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</i></p> <p><i>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i></p>	<p>Bổ sung Theo quy định tại Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư 95/2017</p>

Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

Số: 152 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Thực hiện theo đúng Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
(Dự thảo Quy chế đính kèm)

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng !

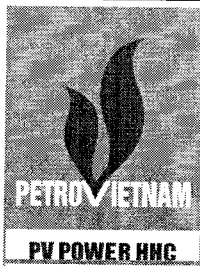
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA



Nghệ An, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2: Đối tượng áp dụng	5
Điều 3: Giải thích từ ngữ	6
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	7
Điều 4: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 5: Đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	7
Điều 6: Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin.....	7
Điều 7: Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc.....	8
Điều 8: Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng.....	8
CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 9: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 10: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
Điều 11: Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 12: Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 13: Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14: Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết....	12
Điều 15: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16: Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17: Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng.....	13
Điều 18: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	14
CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 20: Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị....	16
Điều 21: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 22: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 23: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 24: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 25: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	18

CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 26: Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 27: Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 28: Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 29: Bỏ phiếu trước bằng văn bản	20
Điều 30: Cách thức thông quan nghị quyết Hội đồng quản trị.....	20
Điều 31: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị	20
Điều 32: Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị	20
Điều 33: Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị	21
CHƯƠNG VI: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	21
Điều 34: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	21
Điều 35: Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	21
Điều 36: Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát.....	22
Điều 37: Bầu Trưởng Ban kiểm soát.	22
Điều 38: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát..	22
Điều 39: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	22
CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 40: Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	22
Điều 41: Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban	22
Điều 42: Nhiệm vụ của các Tiểu ban.....	23
CHƯƠNG VIII: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	23
Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý	23
Điều 44: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý.....	24
Điều 45: Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý.	25
Điều 46: Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý.	25
Điều 47: Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý.....	25
Điều 48: Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý	25
Điều 49: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.....	26
CHƯƠNG VII: QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	26
MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26

Điều 50: Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 51: Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 52: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	27
Điều 53: Nhiệm vụ của của Thư ký Công ty	27
Điều 54: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	28
Điều 55: Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát	28
Điều 56: Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị	29
Điều 57: Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị	29
MỤC 2: GIÁM ĐỐC.....	29
Điều 58: Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	29
Điều 59: Trách nhiệm của Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị	29
Điều 60: Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc.....	29
MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 61: Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	30
Điều 62: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát .	30
CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
Điều 63: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	31
Điều 64: Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.....	32
CHƯƠNG XI: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY.....	32
Điều 65: Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý.....	32
Điều 66: Khen thưởng.....	33
Điều 67: Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	33
CHƯƠNG XII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	33
Điều 68: Nghĩa vụ công bố thông tin.....	33
Điều 69: Công bố thông tin về quản trị Công ty.....	34
Điều 70: Tổ chức công bố thông tin	34
CHƯƠNG XIII: CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	34
Điều 71: Giám sát	34
Điều 72: Xử lý vi phạm.....	35
CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	35
Điều 73: Điều khoản thi hành	35
Điều 74: Hiệu lực	35

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế nội bộ của Công ty bao gồm các nội dung sau đây:

1. Cổ đông và việc thực hiện các quyền của cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
5. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.
6. Quy định về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7. Trình tự thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý.
8. Quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.
9. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
10. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
11. Báo cáo và công bố thông tin.
12. Chế độ giám sát và xử lý vi phạm.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.

d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau :

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Công ty mẹ, công ty con;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

f. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

g. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp, đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

h. "Cán bộ quản lý": là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác (Trưởng, phó các Phòng ban/Phân xưởng).

i. "Ban điều hành": gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 4: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 5: Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 6: Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng quản trị Công ty.

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Thư ký Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài

liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện các quyền quy định tại điểm e, f, g khoản 2 Điều 12 của Điều lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại phòng Văn Thư tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Thư ký Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 7: Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Thư ký Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 8: Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:

a. Website chính thức của Công ty: <http://huana.com.vn/>

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp

luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

- c. Thông cáo báo chí của Công ty;
- d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
- đ. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 10: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

c. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

d. Gửi thông báo, thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng



khoản Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 11: Cổ đông, Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 14 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

Điều 12: Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều



lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại phòng Văn Thư tại trụ sở chính của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 13: Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử,

thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 14: Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Theo quyết định của ít nhất 65% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua này đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi

Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 15: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16: Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu mười lăm (15) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 17: Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax

hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Các trường hợp không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến

bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 20: Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị.

b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều 20 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử

ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất năm (05) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 21: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại

hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

8. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

9. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

10. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 22: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 23: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ Công ty.

Điều 24: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị gửi hồ sơ giới thiệu cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất năm (05) ngày trước ngày bầu cử, hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề cử/ứng cử.
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu và các Văn bằng, Chứng chỉ



(Bản sao chứng thực).

4. Biên bản họp nhóm (nếu có).

CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26: Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 30 của Điều lệ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 27: Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.
2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp hoặc gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất một (01) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.
3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.
4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 28: Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ

chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 29: Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 30: Cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Điều 31: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 32: Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

c. Thời gian, địa điểm họp.

d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.

đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những



thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.

- h. Các vấn đề đã được thông qua.
- i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất là mười lăm (15) năm.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 33: Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỆM NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 34: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Các ứng viên thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty (Theo Khoản 2 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017);

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó (Theo Khoản 2 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017).

c. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên (Theo Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017).

d. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty (Theo Khoản 4 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017).

Điều 35: Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 36: Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này

Điều 37: Bầu Trưởng Ban kiểm soát.

1. Sau khi có kết quả bầu cử Ban kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông, Các Kiểm soát viên phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 38: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của Điều lệ Công ty.

Điều 39: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40: Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

4. Thành viên bên ngoài được quyết định bởi tư cách thành viên của Tiểu ban.

Điều 41: Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban

1. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

2. Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42: Nhiệm vụ của các Tiểu ban

1. Tiểu ban chính sách phát triển có trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển chung của công ty.
2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ xây dựng quy trình và giám sát các hoạt động tài chính của công ty.
3. Tiểu ban nhân sự có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và quy trình quản lý nhân sự cấp Hội đồng quản trị, Giám đốc, cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.
4. Tiểu ban lương thưởng có nhiệm vụ xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.
5. Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thành lập thêm một số Tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết.

CHƯƠNG VIII: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.
 - a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.
 - b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban/Phân xưởng và tương đương)

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc.

Điều 44: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý

1. Bổ nhiệm Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm và thỏa thuận được Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

a. Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b. Bản kê khai tài sản, thu nhập;

c. Chương trình hành động;

d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;

đ. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

e. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và xin ý kiến Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam thỏa thuận bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm

trên cơ sở đề xuất của Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám đốc.

3. Bổ nhiệm cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban/Phân xưởng và tương đương):

Bổ nhiệm cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban/Phân xưởng và tương đương) do Giám đốc bổ nhiệm, sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 45: Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý.

Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 46: Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý.

1. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị, Giám đốc phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

- Phẩm chất đạo đức tốt;

- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;

- Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.

Điều 47: Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho cán bộ quản lý nêu tại Điều 37 quy chế này. Giám đốc ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 48: Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng



quản trị/Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 49: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII: QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50: Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 51: Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mẫn cán, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 52: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà thông qua Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 53: Nhiệm vụ của của Thư ký Công ty

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm sau:

a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch

Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;

đ. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

i. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.

k. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

2. Thư ký Hội đồng quản trị được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Công ty.

Điều 54: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 55: Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 56: Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền của Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.

Điều 57: Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2: GIÁM ĐỐC

Điều 58: Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Giám đốc được quy định tại khoản 3 Điều 35 của Điều lệ.

Điều 59: Trách nhiệm của Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 60: Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

1. Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
2. Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
3. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và

các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Giám đốc.

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 61: Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;

7. Mẫn cán và trung thực;

8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 62: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 64: Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY

Điều 65: Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn

thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 66: Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 58.

2. Chế độ khen thưởng

- a. Bằng tiền.
- b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 67: Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 68: Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các

thông tin khác nêu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 69: Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu(06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 70: Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/BTC của Bộ Tài chính;

b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin;

2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:

a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XIII: CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 71: Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 72: Xử lý vi phạm

Cá nhân và tổ chức vi phạm các quy định tại quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73: Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 74 điều đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2018. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Công ty có thể trình Hội đồng quản trị họp xem xét, quyết định.

Điều 74: Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng các Phòng ban/Phân xưởng Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 154/HĐQT-HHC

Nghệ An, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018÷2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Để chuẩn bị cho công tác bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018-2023 tại Đại hội. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, cụ thể:

- + 01 thành viên chuyên trách giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- + 04 thành viên kiêm nhiệm, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập.

2. Cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, cụ thể:

- + 01 thành viên giữ chức Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách.
- + 02 thành viên kiêm nhiệm.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV. HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự Cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018 của Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2017 và dự toán năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Tờ trình Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018÷2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" hoặc "Không ý kiến" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018

CỔ ĐÔNG

Ký và ghi rõ họ tên

Số: /NQ-DHĐCD-HHC

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

V/v: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 19/4/2018.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 19/4/2018 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2013-2018 và định hướng nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội đồng quản trị:

a. Kết quả các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	Chi tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	645,06	734,38	113,84%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	636,8	653,6	103%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	635,3	644,1	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	128,9	135,16	104,8%

b. Phương hướng nhiệm vụ trong năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,35	
2	Chỉ tiêu tài chính			
-	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.256,6	
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46	
-	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,97	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,97	
-	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,23	Tạm tính
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	0,31	
3	Đào tạo (180 lượt người)	Tỷ đồng	0,56	
4	Giá thành	Đồng/kWh	892	
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	138,4	
6	Lao động	Người	117	
7	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	21,75	Tạm tính

c. Kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2013-2018:

TT	Năm	Sản lượng (triệu Kwh)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)		Ghi chú
				Thực hiện	% HTKH	
1	2013	642,59	601,53	57,93	170%	
2	2014	672,77	657,85	31,08	149,7%	
3	2015	459,19	458,37	-118,55	110%	
4	2016	558,07	522,72	-51,07	140%	
5	2017	734,38	653,6	9,45	652%	

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

a. Kết quả các chỉ tiêu chính năm 2017:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5/4)
I	Sản lượng điện	Tr.kWh	645,06	734,38	113,84%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	636,8	653,6	103%
1	Doanh thu phát điện:	Tỷ đồng	571,6	575,3	
2	Thu thuế TN, MT rừng, tài chính khác	Tỷ đồng	65,2	78,3	
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	635,3	644,1	101%
1	Chi phí chưa thuế	Tỷ đồng	570,1	568,9	
2	Thuế TN, phí MT rừng	Tỷ đồng	65,2	75,2	
IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
V	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	128,9	135,16	104,8%

b. Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2018	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,35	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,97	
5	Đào tạo (180 lượt người)	Tỷ đồng	0,56	
6	Giá thành	Đồng/kWh	892	
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	138,4	
8	Lao động	Người	117	
9	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	21,75	Tạm tính

c. Kết quả các chỉ tiêu chính quý I/2018:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	KH quý I/2018	Ước TH quý I/2018	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)
I	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650.35	97.13	116.71	120%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660.46	92.23	128.84	140%
1	Doanh thu phát điện:	Tỷ đồng	587.32	81.31	114.60	141%
2	Thu thuế TN, MT rừng, tài chính khác	Tỷ đồng	73.14	10.92	14.24	130%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653.49	156.01	159.19	102%
1	Chi phí (chưa gồm các phí)	Tỷ đồng	580.35	145.09	144.95	100%
2	Thuế TN, phí MT rừng, phí khai thác sử dụng nước mặt	Tỷ đồng	73.14	10.92	14.24	130%
IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6.97	(63.78)	(30.35)	48%
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	138.44	20.04	27.13	135%

3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2017 và kế hoạch kiểm soát năm 2018 của Ban kiểm soát.

4. Báo cáo tài chính năm 2016 của PV Power HHC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

5. Kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty.

6. Chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và dự toán chi phí năm 2018.

a. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2017 như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 60.000.000 đồng/năm;
- Trưởng Ban kiểm soát: 24.000.000 đồng/năm;

- Thành viên Ban kiểm soát: 72.000.000 đồng/năm;
- Chi phí hoạt động (hội, họp...): 155.710.182 đồng/năm.

b. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2018 như sau:

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền (VNĐ)
<i>I</i>	<i>Từ 01/01-30/4/2018</i>				
1	Thành viên HĐQT	3.000.000	4	2	24.000.000
2	Trưởng Ban KS	3.000.000	4	1	12.000.000
3	Ủy viên Ban KS	2.000.000	4	4	32.000.000
4	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	2.500.000	4	6	60.000.000
<i>II</i>	<i>Từ 01/5-31/12/2018</i>				
1	Thù lao Thành viên HĐQT	3.000.000	8	2	48.000.000
2	Thù lao Ủy viên Ban KS	2.000.000	8	2	32.000.000
3	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	2.500.000	8	6	120.000.000

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na năm 2017 là: 9.452.006.851 đồng. Phương án phân phối như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý và Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động năm 2017 là: 1.990.604.168 đồng. Cụ thể:
 - + Quỹ Khen thưởng Viên chức Quản lý: 386.850.000 đồng
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động: 1.603.754.168 đồng
- Lợi nhuận sau thuế giữ lại chưa phân phối (*không trích lập các quỹ, không chia cổ tức*) là: 7.461.402.683 đồng.

8. Danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn, bao gồm:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Trong quá trình lựa chọn sẽ bổ sung thêm vào danh sách các đơn vị kiểm toán có năng lực, để lựa chọn đơn vị kiểm toán có chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

9. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

10. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

11. Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na như sau:

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, cụ thể: 01 thành viên chuyên trách giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị; 04 thành viên kiêm nhiệm, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập.
- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, cụ thể: 01 thành viên giữ chức Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách; 02 thành viên kiêm nhiệm.

12. Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na nhiệm kỳ 2018 - 2023.

a. Kết quả bầu Hội đồng quản trị.

b. Kết quả bầu Ban kiểm soát.

Điều 2: Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức & Hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (để b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT, TK HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**